CHỮ VIẾT TẮT

HĐND	: Hội đồng nhân dân
UBND	: Ủy ban nhân dân
NĐ	: Nghị định
CP	: Chính phủ
QĐ	: Quyết định
TT	: Thông tư
CHQS	: Chỉ huy quân sự
ANTT	: An ninh trật tự
ANTQ	: An ninh tổ quốc
QL	: Quốc lộ
PTTH	: Phổ thông trung học
THCS	: Trung học cơ sở
TĐC	: Tái định cư
NTM	: Nông thôn mới
KCN	: Khu công nghiệp
TTCN	: Tiểu thủ công nghiệp
CNXD	: Công nghiệp xây dựng
NTTS	: Nuôi trồng thủy sản
BTTN	: Bảo tồn thiên nhiên
TM	: Thương mại
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
KTXH	: Kinh tế xã hội
CNQSDĐ	: Chứng nhận quyền sử đụng đất
BTGPMB	: Bồi thường giải phóng mặt bằng
TT	: Thị trấn
DTTN	: Diện tích tự nhiên
SSCĐ	: Sẵn sàng chiến đấu
ĐCQH	: Điều chỉnh quy hoạch
CTDA	: Công trình dự án

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ 1
I. SỰ CẦN THIẾT 1
II. CĂN CỨ THỰC HIỆN 1
III. BỐ CỤC BÁO CÁO 2
PHẦN I 3
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 3
I. PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN 3
1.1 Đặc điểm điều kiện tự nhiên 3
1.1.1. Vị trí địa lý 3
1.1.2. Địa hình, địa mạo 3
1.1.3. Khí hậu và thời tiết 3
1.1.4. Thủy văn 4
1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên 4
1.2.1 Tài nguyên đất 4
1.2.2 Tài nguyên nước 5
1.2.3. Tài nguyên rừng 5
1.2.4. Tài nguyên du lịch 5
1.2.5. Tài nguyên khoáng sản 6
1.2.6. Tài nguyên nhân văn 6
1.3. Hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất 7
1.3.1. Hiện trạng cảnh quan 7
1.3.2. Hiện trạng môi trường 8
1.3.3. Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất 9
1.4. Đánh giá chung 10
1.4.1. Thuận lợi 10
1.4.2. Khó khăn 10
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 11
2.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 11
2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực 11
2.2.1. Về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp 11
2.2.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 12
2.2.3. Thương mại, dịch vụ 13
2.3. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn 13
2.3.1. Thực trạng phát triển Thị trấn Tương Dương 13
2.3.2. Thực trạng phát triển nông thôn 14
2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng 15
2.4.1. Giao thông 15
2.4.2. Thủy lợi 15
2.4.3. Cơ sở văn hóa, sinh hoạt cộng đồng 16
2.4.4. Cơ sở giáo dục - đào tạo 16
2.4.5. Cơ sở y tế 16
2.4.6. Cơ sở thể dục - thể thao 17
2.4.7. Đất chợ 17
2.4.8. Quốc phòng, an ninh 17

2.5. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến đến việc sử dụng đất 19
PHẦN II 21
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 21
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 21
2.1.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất. 21
2.1.1.1 Phân tích chỉ tiêu đất nông nghiệp 21
+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối. 33
2.1.1.3. Phân tích chỉ tiêu đất chưa sử dụng 33
2.1.2.1 Kết quả thu hồi đất năm 2024 34
2.1.2.1 Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của năm 2024 36
2.2. Đánh giá tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. 38
2.2.1 Kết quả đạt được. 38
2.2.2. Tồn tại 38
2.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 39
PHẦN III 41
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 41
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất. 41
3.2. Tổng hợp, phân tích, nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp. 42
3.2.1. Đất nông nghiệp. 42
3.2.2. Tổng hợp, phân tích, nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp 45
3.2.3. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng 52
3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích 52
3.4. Diện tích đất cần thu hồi 54
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 56
3.6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch. 57
3.6.1. Dự kiến các khoản thu *57*
3.6.2. Dự kiến các khoản chi 57
PHẦN IV 59
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 59
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu 59
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất 60
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất 60
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT 62
1. Kết luận 62
2. Kiến nghị 62
3. Đề xuất 62

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT

Huyện Tương Dương đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tại Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 14/09/2022. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm là việc cụ thể hóa quy hoạch sử dụng đất để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; là công cụ, biện pháp để Nhà nước quản lý, tổ chức sử dụng đất đai có hiệu quả; là căn cứ để giao đất, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất thực hiện các dự án, công trình phục vụ cho mục tiêu phát triển toàn diện.

Các dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phù hợp với kế hoạch phát triển của các cấp, các ngành, cụ thể, sát với tình hình phát triển kinh tế của địa phương; hạn chế tối đa việc bố trí kế hoạch cho các dự án không có khả năng triển khai do chưa chuẩn bị được về nguồn kinh phí thực hiện.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm góp phần khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, đánh giá và quản lý đúng hướng việc sử dụng đất của các ban ngành, giúp thị xã bố trí được các nguồn vốn hợp lý, hiệu quả, cải thiện đời sống nhân dân, đáp ứng được các nhu cầu phát triển nông nghiệp, phi nông nghiệp, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành, lĩnh vực, các đơn vị cấp xã trên địa bàn huyện, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; Ủy ban nhân dân huyện đã lập ***"Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tương Dương".***

II. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Luật Đất đai năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Luật Quy hoạch năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

- Nghị định 102/2024/NĐ - CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Thông tư số 29/2024/TT - BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 1059/QĐ - TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 353/QĐ - UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tương Dương;

- Quyết định số 78/QĐ - UBND ngày 07/03/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh, vị trí, ranh giới, địa điểm công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tương Dương;

- Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tương Dương;

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 /07/2023; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 27/10/2023; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/2/2024; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/6/2024; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/07/2023; Nghị quyết số 54/NQ-HDND ngày 27/10/2023; Nghị quyết số 72/NQ-HDND ngày 7/12/2023; Nghị quyết số 05/NQ-HDND ngày 19/02/2024; Nghị quyết số 27/NQ-HDND ngày 07/06/2024; Nghị quyết số 42/NQ-HDND ngày 11/07/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 58 Luật đất đai để thực hiện công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 113/NQ-HDND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quy hoạch các ngành, lĩnh vực.

III. BỐ CỤC BÁO CÁO

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất.

- Phần IV: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- Phần V: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1.1 Đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Tương Dương là huyện miền núi cao, nằm về phía Tây Nam của tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh khoảng 200 km; cách cửa khẩu Nậm Cắn khoảng 90 km; có 4 xã tiếp giáp nước CHDCND Lào với tổng chiều dài đường biên giới là 58,3 km. Có toạ độ địa lý từ $18^0$58’ đến $19^0$39’ vĩ độ Bắc và $104^0$03’ đến $104^0$55’ kinh độ Đông. Ranh giới hành chính tiếp giáp với các địa phương sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Quế Phong, và nước CHDCND Lào;

- Phía Nam và Tây Nam giáp nước CHDCND Lào;

- Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Con Cuông;

- Phía Tây giáp huyện Kỳ Sơn.

Tương Dương có mạng lưới giao thông đường thuỷ khá thuận lợi và quan trọng, có tuyến Quốc lộ 7A và sông Lam chạy qua địa bàn huyện, là một trong những ưu điểm để phát triển kinh tế, văn hoá xã hội của huyện.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Tương Dương là huyện có địa hình rất hiểm trở, nhiều núi bao bọc tạo nên những thung lũng nhỏ và hẹp, chia thành 3 vùng.

- *Vùng ngoài:* Bao gồm các xã dọc đường 7A và sông Lam (8 xã và thị trấn). Vùng này các ngọn núi đều nằm trong dãy núi Trường Sơn ở biên giới Việt Lào, phân bố rời rạc, nối liền nhau bằng đèo thấp nằm theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Các dãy núi nằm cách nhau tạo nên thung lũng nhỏ như ở các xã: Tam Quang, Tam Thái, Tam Đình.

- *Vùng trên:* Nằm dọc theo sông Nậm Nơn, bắt đầu từ Cửa Rào lên đến biên giới, một phần giáp Lào, một bên giáp huyện Quế Phong. Đây là vùng có nhiều núi cao hiểm trở, giao thông đi lại cực kỳ khó khăn như xã Hữu Khuông (chưa có đường ô tô đi đến trung tâm xã).

- *Vùng trong:* Nằm ở phía Bắc huyện Tương Dương, gồm các xã: Yên Na, Yên Tĩnh, Yên Thắng, Yên Hòa, Nga My, Xiềng My. Đây cũng là vùng có nhiều đỉnh núi cao như đỉnh Pù Pủng, Pù Đình, Pù Xăng Lếch... Có sông Nậm Nơn, Hội Nguyên và Nậm Chon chảy qua.

1.1.3. Khí hậu và thời tiết

Tương Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp của vùng khí hậu Tây Nam - Nghệ An với đặc điểm là khí hậu nhiệt đới gió mùa và phân thành 2 mùa rõ rệt:

- *Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10*: Vào mùa mưa thường xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau chịu ảnh hưởng của gió Lào nên mùa khô càng khắc nghiệt, hạn hán xảy ra liên lục làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

1.1.4. Thủy văn

Huyện Tương Dương có 03 nhánh sông lớn là nhánh sông Cả (sông Lam), nhánh sông Nậm Nơn và nhánh sông Nậm Mộ.

- Nhánh sông Cả (sông Lam): Bắt nguồn từ Cửa Rào, chảy qua các xã dọc quốc lộ 7A, có chiều dài trên 40 km, lòng sông sâu, ít có thác ghềnh. Thuận lợi cho việc cung cấp nước và vận chuyển đường thuỷ.

- Nhánh sông Nậm Nơn: Bắt nguồn từ nước bạn Lào chảy qua các xã Mai Sơn, Hữu Khuông, Nhôn Mai, Lượng Minh, Yên Na đến Cửa Rào - Xá Lượng, có chiều dài gần 100 km; có diện tích lưu vực trên 2.000 km^2. Sông có nhiều thác, ghềnh, lòng sông sâu và rộng. Lưu vực sông nằm trong vùng có lượng mưa thấp (1.500 mm/năm). Mùa khô khả năng cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và vận chuyển đường thủy gặp nhiều khó khăn.

- Nhánh sông Nậm Mộ: Bắt nguồn từ Mường Típ (Kỳ Sơn), chảy qua các xã Lưu Kiền, Xá Lượng đến Cửa Rào dài 28 km, có diện tích lưu vực trên 1.000 km^2. Có đặc điểm độ dốc lớn, nước chảy xiết, khả năng vận tải đường thuỷ không thuận lợi.

Ngoài ra còn có hệ thống khe suối lớn, nhỏ phân bố trên địa bàn huyện, điển hình có khe Nguyên, Chà Lạp, khe Kiền v.v...

1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1 Tài nguyên đất

Theo số liệu thổ nhưỡng của tỉnh Nghệ An, Tương Dương có 2 nhóm đất chính, gồm: nhóm đất phù sa và nhóm đất vùng đồi núi. Trong đó:

- Nhóm đất phù sa có tổng diện tích 555,00 ha, đất này được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông Cả, sông Nậm Nơn, khe Thơi, khe Chà Lạp, khe Kiền và khe Hội Nguyên, phân bố ở các xã Tam Quang, Tam Đình, Tam Thái, Lưu Kiền, Yên Na, Yên Hoà, Yên Tĩnh, Nga My, Hữu Khuông.

- Nhóm đồi núi gồm nhiều nhóm đất: nhóm đất feralit vàng đỏ phát triển trên đá phiến sét, phát triển trên đá cát kết, phát triển trên đá Macma axit, phát triển trên đá biến chất, phát triển trên đá phiến sét; Đất feralit đỏ vàng phát triển trên đá vôi, phát triển trên đá Macma axit; Đất feralit vàng xám phát triển trên đá cát kết; Đất feralit mùn vàng trên núi cao; Đất feralit mùn trên núi cao. Thường nhóm đất này thích hợp cho cây trồng cây công nghiệp dài ngày cây ăn quả, vùng bằng có thể trồng cây lương thực, hoa màu ngắn ngày.

1.2.2 Tài nguyên nước

Tương Dương có nguồn nước mặt khá dồi dào, phong phú. Nguồn nước chủ yếu lấy từ nguồn nước mặt của 3 nhánh sông chính: Nhánh sông Nậm Nơn, Nhánh Nậm Mộ, Nhánh sông Cả. Ngoài ra còn có hệ thống khe suối lớn nhỏ phân bố trên địa bàn huyện, điển hình có khe Hội Nguyên, khe Cánh tráp, khe Kiền, khe Bố và hệ thống các đập thuỷ lợi.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Năm 2024 toàn huyện có 259.503,57 ha đất rừng, trong đó:

- Rừng sản xuất: 126.537,39 ha, chiếm 45,07% diện tích đất tự nhiên;

- Rừng phòng hộ: 93.469,37 ha, chiếm 33,29% diện tích đất tự nhiên;

- Rừng đặc dụng: 39.496,81 ha, chiếm 14,07% diện tích đất tự nhiên;

Nằm trên khu dự trữ sinh quyển miền Tây xứ Nghệ, huyện Tương Dương có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn nhất tỉnh với 259.503,57 ha. Tại đây có những cánh rừng nguyên sinh hoang sơ, kỳ vĩ. Trong tổng số diện tích rừng hiện có thì rừng tự nhiên chiếm gần 98% thuộc khu dữ trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An, nơi đầu nguồn dòng sông Cả thì hiện tài nguyên rừng của huyện Tương Dương chiếm 17% diện tích tự nhiên và gần 24,3% trữ lượng rừng của tỉnh Nghệ An còn giữ được tính đa dạng và khá phong phú. Không chỉ có diện tích rộng, các cánh rừng ở huyện Tương Dương còn trải dài và thuộc một phần của Vườn Quốc gia Pù Mát (Con Cuông), Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống (Quỳ Hợp), Pù Hoạt (Quế Phong) và rừng phòng hộ huyện Kỳ Sơn. Chính điều này đã tạo nên sự phong phú, đa dạng của hệ động thực vật thuộc vùng đất Phủ Tương xưa kia. Trên độ cao hơn 1.000m so với mực nước biển là nơi phân bố của loài gỗ pơ mu, sa mu. Những cây sa mu hàng ngàn năm tuổi trên độ cao 1.500m sừng sững trên đỉnh núi, nơi giáp ranh đường biên giới Việt - Lào. Hiện nay, theo thống kê vùng rừng của Tương Dương có 42 loài thực vật được đưa vào sách đỏ Việt Nam. Và với tiểu vùng khí hậu, thổ nhưỡng đặc trưng đã tạo nên nhiều loài thực vật ấn tượng và có giá trị thực nghiệm cao. Rừng Tương Dương có nhiều loại cây gỗ có giá trị cao và nhiều loại thú quý hiếm. Với độ che phủ rừng vào loại cao, rừng Tương Dương lớn về diện tích, phong phú về chủng loại. Đây là tiềm năng lớn về phát triển kinh tế lâm nghiệp.

1.2.4. Tài nguyên du lịch

Tương Dương là điểm du lịch rất hấp dẫn, bởi tài nguyên du lịch ở đây rất phong phú và đa dạng (du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh,...): Nói vậy bởi nơi đây có nhiều lợi thế để phát triển du lịch. Nằm trong khu dự trữ sinh quyển lớn nhất cả nước, với những phong cảnh dễ say lòng người như hai dòng Nậm Nơn, Nậm Mộ và những câu chuyện đầy chất huyền thoại, rồi rừng Quốc gia Pù Mát, rừng Săng Lẻ ở xã Tam Đình được nhiều người đánh giá là đẹp nhất nước, rừng

lạnh nguyên sinh ở xã Tam Hợp, rừng cây lùn ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát (xã Tam Quang),.... Bên cạnh đó, còn có điểm du lịch Huồi Cớ (Tam Đình), Văng Phột (Lưu Kiền), Nậm Xán (Tam Quang), hồ thủy điện Bản Vẽ, Khe Bố ...sẽ là những điểm thu hút du khách, phát triển dịch vụ du thuyền thám hiểm lòng hồ, tham quan các ốc đảo và thưởng thức các loại đặc sản của núi rừng như thịt gà đen, lợn đen, cá mát, cơm lam, măng đắng,...

Tương Dương cũng là huyện có khá nhiều di tích - lịch sử, tiêu biểu như đền Cửa Rào (xã Xá Lượng), đền thờ Lý Nhật Quang (xã Tam Quang), hang Thằm Cóng (xã Tam Bông). Đặc biệt, Đền Vạn - Cửa Rào từ lâu đã trở thành nơi gửi gắm tâm linh của đồng bào các dân tộc Tương Dương và du khách gần xa. Mấy năm gần đây, huyện Tương Dương thường xuyên tổ chức các hoạt động lễ hội vào dịp đầu xuân đã thu hút một số lượng lớn du khách tìm về với lễ hội.

Với đặc điểm có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống nên vùng đất Tương Dương có đời sống văn hóa phong phú và đa dạng, mang đậm bản sắc vùng miền đến nay cơ bản vẫn còn lưu giữ được. Đồng bào Thái với câu lăm, điệu khắp cùng bộ trang phục duyên dáng, gợi cảm; đồng bào Mông với bộ trang phục hoa văn sặc sỡ cùng điệu múa xòe; đồng bào Khơ Mú với điệu hát tơm lôi cuốn người nghe bởi giai điệu rộn ràng. Đó là chưa kể tới đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào Tày Poọng, Ơ Đu đang trên bước đường hồi sinh. Với ưu thế chiếm số lượng lớn và cư trú rộng khắp, đồng bào Thái ở Tương Dương từ lâu đã có ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc của dân tộc mình, trong đó phải kể đến yếu tố không gian văn hóa. Vì thế, ở Tương Dương lưu giữ được một số bản Thái cổ như bản Chắn, bản Mác, bản Lau (xã Thạch Giám), bản Xoóng Con, bản Phồng (xã Lưu Kiền), bản Huồi Tố (xã Mai Sơn),...

1.2.5. Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản ở Tương Dương gồm các loại sau:

- *Vàng sa khoáng* phân bố dọc sông Cả và vùng Hội Nguyên, tập trung chủ yếu ở xã Yên Na, Yên Hoà, Yên Tĩnh, Nga My, Hữu Khuông với trữ lượng khoảng 456 kg. Diện tích chiếm đất khoảng 3 km^2.

- *Vật liệu xây dựng* bao gồm cát, sỏi, sạn, phân bố dọc sông Lam và các con suối lớn với trữ lượng không nhiều. Bên cạnh đó những năm gần đây trên địa bàn huyện đã phát hiện ra mỏ đá Granit ở xã Lưu Kiền, trong tương lai gần đây là một lợi thế lớn để phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của huyện.

1.2.6. Tài nguyên nhân văn

Tương Dương là một huyện gồm nhiều dân tộc: Trong đó các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 90,36% (dân tộc Thái 70,66%, Khơ Mú 12,17%, Mông 5,31%, Ơ đu 1,00%, Tày Poọng 0,91%). Các dân tộc phân bố ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa giao thông đi lại khó khăn, thiếu nguồn nước sinh hoạt. Mối quan hệ giữa các

dân tộc ở Tương Dương có từ lâu đời và ngày càng nêu cao được tinh thần đoàn kết dân tộc. Các dân tộc ở Tương Dương có những lễ hội đặc sắc như hội hát Rắc bùa, hội Rài sán, lễ cầu mưa... và vẫn còn giữ được những sinh hoạt văn hoá độc đáo mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc của mình. Trên địa bàn Tương Dương có 4 di tích được UBND tỉnh Nghệ An công nhận, đó là Đền Vạn (Xá Lượng), hang Thẩm Cùng (Tam Đình), danh thắng Cửa Rào (Xá Lượng), hang Thẩm Coóng và Thẩm Bồng (Tam Quang).

1.3. Hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

1.3.1. Hiện trạng cảnh quan

Tương Dương có cảnh quan hoang sơ, hùng vĩ và nét văn hoá đặc biệt của 5 dân tộc thiểu số. Tương Dương nằm tại miền núi phía Tây Nghệ An, với tổng diện tích rừng nguyên sinh rộng lớn. Tương Dương thuộc khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia Pù Huống và khu dự trữ sinh quyển thế giới Pù Mát. Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đặc biệt, Tương Dương đóng vai trò quan trọng trong chiến lược kinh tế, văn hóa, an ninh và quốc phòng của tỉnh Nghệ An.

Toàn bộ huyện nằm trong vùng địa hình có độ cao trung bình từ 65 – 75 m so với mực nước biển, địa hình phức tạp, núi non hiểm trở, nhiều núi cao và có nhiều thung lũng nhỏ hẹp. Đồi núi bị chia cắt mạnh bởi 3 dòng sông chính là sông Lam, Nậm Nơn và Nậm Mộ, giao thông đi lại khó khăn. Khí hậu và thời tiết khắc nghiệt. Tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, đa dạng nhưng trữ lượng không lớn. 97% diện tích là đồi núi, còn lại là những dãy đất nhỏ hẹp ven sông.

Tương Dương có tổng số dân là 80.916 người, gồm 6 dân tộc chủ yếu là: Thái, Hmông, Tàypoọng, Ơ Đu, Kinh, Khơ Mú, ...Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở dọc quốc lộ 7A, đặc biệt là thị trấn Thạch Giám. Mật độ dân số trung bình là 30 người/km². Trình độ dân trí không cao. Huyện có cơ cấu dân số trẻ. Phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại ở các xã vùng sâu, vùng xa và một số xã vùng trên.

Nhà ở dân cư của nhân dân trên địa bàn huyện có sự chuyển hóa hình thành kiến trúc nhà ở theo hướng diện đại, phù hợp với việc sản xuất kinh doanh cũng như sinh hoạt của người dân. Bước vào thời kỳ đổi mới, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa làm cho các vùng nông thôn có sự thay da đổi thịt đáng kể. Cùng với quá trình nông thôn mới thì hình thái kiến trúc các vùng nông thôn đã có sự chuyển hóa đáng kể. Sự tăng trưởng tự nhiên của dân số cộng với sự di dân đã làm thay đổi dần tập quán sống của người dân quê. Những người khi lớn sẽ chuyển ra ở riêng. Một gia đình với 2-3 thế hệ chiếm phần lớn và là hình mẫu hiện đại. Dân số tăng lên nhưng quỹ đất có hạn, từ một mảnh đất rộng nay được chia ra để phù hợp với số lượng người ở. Để tối đa diện tích những nhà 5 gian 2 trái được thay

thế bằng nhà bê tông khang trang, tiên tiến. Tới nay, cấu trúc ngôi nhà đã chuyển hóa bởi đô thị hóa và sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất. Đối với nhóm dân cư thuần nông giàu lên, có điều kiện để thay đổi môi trường sống của mình. Khi có tiền, người dân phá bỏ đi những ngôi nhà gỗ truyền thống, với đầy đủ chức năng của một không gian ở kết hợp với sản xuất nông nghiệp vô cùng thích dụng (được cho là không hiện đại và kém tiện nghi) để xây dựng một ngôi nhà bê tông nhiều tầng hình hộp giống nhà ở đô thị mà họ cho là văn minh, hiện đại – những ngôi nhà ở thế hệ mới với không gian phân chia theo chiều thẳng đứng. Đối với nhóm dân cư buôn bán nhỏ, làm nghề phụ kết hợp với sản xuất nông nghiệp: Họ xây dựng nhà ở kết hợp với buôn bán nhỏ và làm nghề phụ. Không gian kiến trúc nhà ở của họ cũng cần thay đổi cho phù hợp với nhu cầu sản xuất mới. Không gian kiến trúc nhà ở nông thôn mà nhóm dân cư này lựa chọn xây dựng là loại nhà ở chia lô kiểu đô thị bám theo các trục đường làng hoặc trung tâm xã.

1.3.2. Hiện trạng môi trường

a) Môi trường đất

- *Tình hình suy thoái đất:* Với đặc thù là một huyện miền núi, địa hình chia cắt mạnh nên đất của Tương Dương có xu thế thoái hoá do xói mòn, rửa trôi, mất chất hữu cơ, khô hạn, ... dẫn đến nhiều vùng đất bị cằn cỗi, không có khả năng canh tác.

- *Tình hình sử dụng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật:* Trong quá trình sản xuất việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cấp tính như Monoctotophos, Endusulfan hoặc một số hoạt chất có độ phân giải chậm như: Mancoxeb, phân bón hoá học mà đặc biệt là không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật bảo quản nên gây tác động xấu đến môi trường đất.

- *Hiện tượng khai thác khoáng sản:* Hoạt động khai thác khoáng sản làm xáo trộn bề mặt đất. Mặt khác hoạt động khai thác khoáng sản làm thu hẹp diện tích rừng và làm tăng khả năng xói mòn, rửa trôi đất,... dẫn đến làm tăng hàm lượng các chất lơ lửng, các chất hữu cơ trong nước,...

b) Môi trường nước

Nguồn nước quan trọng nhất cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong huyện được lấy từ hệ thống sông, suối, khe, đập... Chất lượng nước tương đối tốt, lượng nước phụ thuộc theo mùa nên vào mùa khô hiện tượng thiếu nước vẫn còn diễn ra ở một số khu vực trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên hiện nay, do tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trên bề mặt lưu vực ngày một gia tăng, nguồn nước đang có biểu hiện suy giảm về chất lượng, gia tăng hàm lượng các chất hữu cơ và dinh dưỡng.

c) Môi trường không khí và tiếng ồn

Tương Dương là huyện miền núi cao, núi non trùng điệp, độ ẩm cao, là huyện có tiềm năng rừng đa dạng và phong phú. Diện tích rừng nguyên sinh còn lớn và đang được bảo tồn thuộc 2 khu vực: vườn Quốc gia Pù Mát và khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống đã tạo cho Tương Dương có được môi trường sinh thái tương đối ôn hoà. Do đó môi trường không khí và tiếng ồn nhìn chung còn đảm bảo.

1.3.3. Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

Xói mòn đất được nhận định là một hiện tượng của tự nhiên làm ảnh hưởng đến đất ở tất cả các loại địa hình khác nhau. Là sự rửa trôi các dưỡng chất cần thiết trên bề mặt đất và chính điều này làm giảm chất lượng đất gây ra giảm năng suất cây trồng, phá vỡ cân bằng của môi trường đất tự nhiên. Xói mòn đất sẽ làm thay đổi bề mặt, phá hủy các tầng đất bên dưới do tác động của tự nhiên và nhất là do các hoạt động của con người. Xói mòn đất được xem là một trong những mối đe dọa lớn liên quan đến đất vì nó đang xảy ra khắp nơi. Khi đất bị xói mòn quá nhiều thì sẽ dẫn đến việc sa mạc hóa và không thể canh tác bất cứ loài thực vật nào ở trên khu vực đã bị sa mạc hóa. Vì vậy xói mòn đất là một hiện tượng con người không mong muốn xảy ra. Tương Dương nằm trong đới nâng của quá trình kiến tạo địa chất, địa hình khá hiểm trở và phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh, có nhiều núi đá dốc, khe lạch, thung lũng, nhiều nơi tạo thành vách đứng dễ gây sạt lở, trượt khối và hàng loạt yếu tố cấu trúc như nếp lồi, nếp lõm, địa hào, địa lũy tồn tại trong phân giới lãnh thổ đã gây xói mòn đất. Cùng với đó, do thời gian khô hạn kéo dài từ tháng 7 năm trước đến tháng 4 năm sau nên thúc đẩy quá trình xói mòn đất khi mùa mưa. Địa hình huyện Tương Dương phần lớn là đồi dốc. Hầu hết đều có độ dốc lớn tiềm ẩn các dạng tai biến địa mạo phổ biến nhất như lũ quét, lũ bùn đá, ngập lụt, xói mòn sạt lở, đổ lở và nứt đất. Sạt lở đất là một trong những loại hình thiên tai rất nguy hiểm, có thể xảy ra ở những nơi mà chúng ta không ngờ tới. Mỗi năm, sạt lở đất cướp đi rất nhiều sinh mạng và gây thiệt hại hàng tỷ đồng. Hàng năm vào mùa mưa thường diễn ra các vụ sạt lở đất ở các xã Lượng Minh, Xá Lượng, Yên Thắng, Lưu Kiền…

Quá trình thoái hóa đất và hoang mạc hóa là kết quả của sự xói mòn đất, đá ong hóa, hạn hán. Ngoài ra phá rừng, đốt cây cỏ làm nương rẫy, khai thác bừa bãi các mỏ quặng cũng gây ra sa mạc hóa cục bộ. Hiện nay trên địa bàn huyện Tương Dương có nhiều vùng đồi núi trọc đang bị mưa lũ làm lở đất, xói mòn và suy thoái đến khô cằn hoang mạc. Đây là những vấn đề đáng lo ngại, là thách thức lớn đối với ngành nông nghiệp. Quá trình hình thành, phát triển thoái hóa đất, hoang mạc hóa bị chi phối bởi quá trình tự nhiên và xã hội. Các quá trình này sẽ diễn ra mạnh hơn, nhanh hơn cả về cấp độ và khu vực bị ảnh hưởng khi chịu tác động của nhiệt độ cao, nắng nóng, khô hạn kéo dài gây nên bởi biến đổi khí hậu.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Thuận lợi

- *Về vị trí địa lý:* Tương Dương có Quốc lộ 7A chạy qua, có cửa khẩu Tam Hợp và gần cửa khẩu Nậm Cắn giáp nước bạn Lào, do vậy thuận lợi trong giao lưu, trao đổi hàng hóa với bên ngoài.

- *Về cảnh quan thiên nhiên:* Có nhiều lợi thế để phát triển du lịch. Nằm trong khu dự trữ sinh quyển lớn nhất cả nước, với những phong cảnh như hai dòng Nậm Nơn, Nậm Mộ, rừng Quốc gia Pù Mát, rừng săng lẻ ở xã Tam Đình, rừng lạnh nguyên sinh ở Tam Hợp, rừng cây lùn ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống (xã Nga My). Bên cạnh đó, khi các công trình thủy điện Bản Vẽ và Khe Bố hoàn thành, khu vực lòng hồ thủy điện sẽ là những điểm thu hút du khách, phát triển dịch vụ du thuyền thám hiểm lòng hồ, tham quan các ốc đảo và thưởng thức các loại đặc sản của núi rừng như thịt gà đen, lợn đen, cá mát, cơm lam, măng đắng... Tương Dương cũng là huyện có khá nhiều di tích - lịch sử, tiêu biểu như đền Cửa Rào (xã Xá Lượng), đền thờ Lý Nhật Quang (xã Tam Quang), hang Thằm Cóng (xã Tam Bông) và hệ thống hang động ở bản Xiềng Lằm (xã Hữu Khuông). Đặc biệt, đền Cửa Rào từ lâu đã trở thành nơi gửi gắm tâm linh của đồng bào các dân tộc Tương Dương và du khách gần xa. Do vậy, Tương Dương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh.

- *Các nguồn tài nguyên* (*tài nguyên đất; rừng; nước*) đa dạng, phong phú là điều kiện thuận lợi để đa dạng hóa cây trồng; phát triển ngành chế biến lâm sản, thủy điện. Huyện có nguồn tài nguyên khoáng sản: mỏ vàng, than… là điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác khoáng sản, sản xuất nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu xây dựng và phát triển của huyện và các khu vực lân cận.

- *Về nguồn lực lao động:* Huyện có nguồn lao động dồi dào (*toàn huyện có 25.303 lao động, trong đó lao động trong độ tuổi lao động là 22.817 người, chiếm 31,99% dân số toàn huyện*) cần cù chịu khó, ham học hỏi, tìm tòi, sáng tạo và đoàn kết là động lực để phát triển kinh tế.

- *Về An ninh, trật tự:* được giữ vững, các cơ quan quản lý nhà nước nắm vững các quy định pháp luật, trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật,... có chất lượng cuộc sống văn hóa, thân thiện và lịch thiệp.

1.4.2. Khó khăn

- *Tài nguyên thiên nhiên:* Tuy là huyện có tổng diện tích tự nhiên lớn tuy nhiên về tài nguyên thiên nhiên của huyện không phong phú và đa dạng.

- *Về địa hình:* Là huyện miền núi, địa hình chia cắt phức tạp, do đó việc đầu tư, bảo trì hạ tầng kỹ thuật tốn kém, khó khăn trong tổ chức quản lý.

- *Về khí hậu thời tiết:* Địa hình dốc nên thường gây lũ lớn làm hư hại công trình, ngừng trệ hoạt động sản xuất, gây nhiều thiệt hại về người, tài sản,... mùa khô kéo dài gây thiếu nước có ảnh hưởng, thiệt hại đến sản xuất, sinh hoạt.

- *Về cơ sở hạ tầng:* Tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển nhất là giao thông, cấp nước, thoát nước, môi trường…

- *Chất lượng lao động tăng chậm*, nhiều lao động trẻ có chất lượng cao phần lớn làm việc ở các thành phố, ít trở về quê làm việc, lực lượng lao động tại chỗ xuất thân từ nông nghiệp, năng suất lao động thấp, chuyên môn kỹ thuật hạn chế, tính kỷ luật không cao.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2024 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVII. Tuy nhiên, tình hình kinh tế cả nước và của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, giá cả thị trường không ổn định; trong huyện thời tiết diễn biến phức tạp; mưa lớn kéo dài gây sạt lở đất, giông lốc với cường độ mạnh xẩy ra ở nhiều nơi đã làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Song, với tinh thần đoàn kết và ý chí quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; sự đồng thuận của nhân dân; công tác quản lý, lãnh đạo, điều hành được đổi mới bằng nhiều giải pháp quyết liệt, hiệu quả. Nhờ vậy, các khó khăn, vướng mắc từng bước được tháo gỡ; tình hình kinh tế - xã hội được duy trì và phát triển, an ninh trật tự trên địa bàn được giữ vững.

Tổng giá trị sản xuất năm 2024 (giá so sánh 2010) ước đạt 6.193.268triệu đồng, đạt 100,1% NQHĐND; Tốc độ tăng trưởng GTSX năm 2024 đạt 7,7%, (trong đó: nông - lâm - thủy sản tăng 4,9%; công nghiệp - xây dựng tăng8,3%; thương mại - dịch vụ tăng 7%). Phần huyện quản lý đạt 6,9%. Thu nhập bình quân trên đầu người ước đạt 38,4 triệu đồng, đạt 96% NQ HĐND, tăng 6,7% so với cùng kỳ.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước đạt 651.583 triệu đồng, đạt 99,6% NQ HĐND, tăng 4,9% so với cùng kỳ.

- *Nông nghiệp:* Thực hiện tốt công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng cả năm đạt 9.139,8 ha, đạt 106,3% so với NQHĐND, tăng 6,8% so với cùng kỳ; diện tích cây có hạt 4.269,2 ha (lúa 2.482,7 ha; ngô 1.786,5 ha) sản lượng lượng thực cây có hạt đạt 18.273,7 tấn (lúa 12.199,7 tấn; ngô 6.074 tấn), đạt 106%

so với KH, đạt 97,9% so với NQHĐND, giảm 0,5% so với cùng kỳ; diện tích cây trồng khác 4.870,6 ha (trong đó diện tích chủ yếu là cây sắn 2.481,1 ha; sản lượng 37.336,5 tấn). Tổng đàn trâu 16.997con, đạt 93,3% so với KH và NQHĐND, giảm 3,2% so với cùng kỳ; tổng đàn bò 34.443 con, đạt 87,9% KH và NQHĐND, tăng 0,9% so với cùng kỳ; Tổng đàn lợn 24.725con, đạt 88,6% KH và NQHĐND, giảm 6,1% so với cùng kỳ; tổng đàn gia cầm 431.228, đạt 102,7% KH và 99,1% NQHĐND, tăng 7,3% so với cùng kỳ; tổng đàn dê 8.989 con, đạt 96,7% so với NQHĐND, giảm 2,3% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi đạt 4.848,6 tấn, đạt 103,2% KH và NQHĐND, tăng 2,1% so với cùng kỳ; tiêm phòng gia súc đạt 49,4%, đạt 61,8% NQHĐND, tăng 36,9% so với cùng kỳ.

- *Lâm nghiệp*: Công tác phát triển rừng được quan tâm, trồng mới được 1.128,7ha rừng tập trung, đạt 112,9% KH và NQHĐND, giảm 22,9% so với cùng kỳ; Bảo vệ rừng 223.050 ha, đạt 100% KH và NQ HĐND; khoanh nuôi rừng 3.918 ha, đạt 100% KH và NQHĐND; chăm sóc rừng 3.451ha, đạt 172,6% KH. Tỷ lệ che phủ rừng 79,44%, đạt 100% KH và NQ HĐND. Toàn huyện đã khai thác được 60.374,7m^3, gỗ rừng trồng các loại, đạt 106% so với KH và NQHĐND (chủ yếu keo, xoan, lát ..), tăng 167,7% so với cùng kỳ và 448.400 cây Mét, Nứa.

- *Thủy sản:* Tiếp tục được quan tâm, duy trì và phát triển. Diện tích ao nuôi 91,1ha, đạt 105,9% KH và NQHĐND, tăng 5,7% so với cùng kỳ, số lồng cá 622lồng, đạt 104,7% so với KH, tăng 13,3% so với cùng kỳ (tăng 73 lồng so với năm 2023), sản lượng thủy sản ước đạt 647 tấn, đạt 106,9% so với KH, đạt 101,1% so với NQHĐND, tăng 3,7% so với cùng kỳ.

2.2.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 4.444.453 triệu đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ *(trong đó: Công nghiệp tăng11,1%; Xây dựng tăng 1,2%).*

- *Công nghiệp:* Sản lượng các sản phẩm công nghiệp cơ bản tăng so với cùng kỳ năm trước đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân: Nước máy ước tính khoảng 416.000m^3, tăng 3,5% so với cùng kỳ; Đá xây dựng ước tính khoảng 67.200m^3, tăng 25,9% so với cùng kỳ; Gạch xây dựng ước tính khoảng 1.324.800 viên, đặt 132,9% NQHĐ, tăng 16,2% so với cùng kỳ; Điện sản xuất ước khoảng 1.659,5triệu KWh, đạt 107,1% NQHĐ, tăng 24,6% so với cùng kỳ ; Điện thương phẩm ước khoảng 27,9triệu KWh, đạt 102,6% NQHĐ, tăng 10,7% so với cùng kỳ; Sản lượng Than đá ước khoảng 16,3tấn. Việc cấp điện lưới quốc gia đến các thôn, bản được triển khai tích cực; đến thời điểm hiện tại tỷ lệ bản có điện lưới quốc gia đạt 100%. Công tác bảo đảm an toàn sử dụng điện, phòng chống cháy nổ ở các điểm chợ, khu tập trung đông dân cư được đảm bảo.

Công tác giải tỏa vi phạm HLATGT được đẩy mạnh, trong năm đã tổ chức 03 đợt giải tỏa vi phạm, chống tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa

bàn toàn huyện, có 343 vi phạm, giải tỏa, tháo dỡ 216,7m^2 diện tích nhà tạm; 140 biển, bảng quảng cáo; 2.536m bờ rào kiên cố, tạm; 187m^2 Mái che; Vật liệu xây dựng: 370m^3; Vật liệu lâm sản: 115m^3; Phá dỡ cấy cối vườn tạp: 1.380m^2; Phát quang cây cối hai bên tuyến đường giao thông nông thôn 989,8km; Khơi thông cống rãnh hai bên tuyến đường: 5.931m; Vệ sinh mặt đường các tuyến đường ngõ xóm trong bản, khối 256km.

2.2.3. Thương mại, dịch vụ

Giá trị sản xuất ước đạt 1.097.232 triệu đồng, đạt 99,7% NQ HĐND, tăng 7% so với cùng kỳ. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ ước đạt 1.182,27 tỷ đồng, tăng5,4% so với cùng kỳ. Thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng về chủng loại, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng; trong năm đã cấp mới, cấp đổi 206 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể (trong đó cấp mới 175 cái, cấp đổi 31 cái), nâng số hộ kinh doanh trên địa bàn lên 2.139 hộ. Công tác kiểm tác tra, kiểm soát thị trường, bình ổn giá cả hàng hóa được tăng cường, nhất là dịp trước, trong và sau tết nguyên đán; trong năm đã triển khai kiểm tra 163 cơ sở kinh doanh, xử lý VPHC 80 cơ sở, tổng số tiền xử phạt 68,7 triệu đồng, tiêu hủy 1.215 chai các loại nước giải khát, Sữa TH 15 thùng; Bánh kẹo các loại 325 gói, 98 đồ chơi mang tính chất bạo lực.

Xây dựng Kế hoạch phát triển Du lịch năm 2024, triển khai thực hiện Đề án phát triển Du lịch sinh thái, cộng đồng trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức khai hội du lịch Khe Cớ, xã Tam Đình và các điểm du lịch khác trên địa bàn huyện. Các mô hình dịch vụ du lịch sinh thái đang từng bước phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, như: Cụm du lịch sinh thái Tam Quang (khu du lịch sinh thái Nậm Xán) - Tam Đình (rừng Săng lẻ, Khe Cớ) - Đền Vạn Cửa Rào - Lưu Kiền (Khe Kiền); Điểm du lịch Cọn Nước, xã Yên Hòa; Thác Nha Vang - xã Nhôn Mai… dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu trên địa bàn. Ước tính trong năm lượng khách đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện khoảng 8.000 lượt mang lại doanh thu khoảng hơn 1 tỷ đồng. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống khoảng 138 tỷ đồng, đạt 110,2% NQ HĐND, tăng 20% so với cùng kỳ.

2.3. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.3.1. Thực trạng phát triển Thị trấn Tương Dương

Thị trấn Thạch Giám được thành lập vào ngày 01 tháng 01 năm 2020 trên cơ sở sát nhập toàn bộ 67,70 km² diện tích tự nhiên và 3.900 người của 7 bản: Mon, Phòng, Chắn, Khe Chi, Mác, Lau, Nhẫn của xã Thạch Giám vào thị trấn Hòa Bình để thành lập thị trấn Thạch Giám.

Sau khi thành lập, thị trấn Thạch Giám có diện tích 69,30 km², dân số là 7.600 người.

Thị trấn Thạch Giám được phân thành 11 khối, bản đây là trung tâm kinh tế - văn hoá và cũng là địa bàn xây dựng trụ sở khối cơ quan của huyện. Do là một huyện vùng cao đặc biệt khó khăn, trong những năm gần đây, được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước cơ sở hạ tầng của thị trấn đã được đầu tư nâng cấp đáng kể. Thị trấn ngày càng được phát triển cả về quy mô và chiều sâu. Đồng thời, các hoạt động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế thương mại - dịch vụ góp phần nâng cao và gia tăng giá trị tổng sản phẩm của huyện.

Tuy nhiên, quy mô khu vực trung tâm thị trấn nhỏ, đất xây dựng đô thị thấp. Trung tâm của thị trấn trải dài, bám dọc theo trục Quốc lộ 7 ở những khu vực địa thế thuận lợi cho xây dựng. Phần lớn các khu nhà trong thị trấn đều do dân tự thiết kế xây dựng nên kiến trúc lộn xộn, chưa văn minh, hiện đại. Hạ tầng văn hoá, phúc lợi chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân (chưa có công viên cây xanh, mạng lưới sân chơi, nghỉ ngơi, giải trí trong các khu dân cư). Ngoài ra, các vấn đề về xử lý rác thải đô thị, nước sinh hoạt cũng khá bức xúc cần được tiến hành giải quyết đồng bộ.

2.3.2. Thực trạng phát triển nông thôn

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển, với nhiều dân tộc anh em sinh sống, các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được phát triển theo những hình thái khác nhau, tuỳ thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực. Nhìn chung dân cư sống tương đối rải rác, các tụ điểm dân cư truyền thống (*như làng, bản...*) được hình thành trên những triền đồi núi cao, tuy nhiên trong những năm gần đây có xu hướng phát triển ở những khu vực có nước và có điều kiện canh tác ở những nơi có giao thông thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Nhìn chung đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục.

Hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, mặc dù đã được Nhà nước đặc biệt quan tâm đầu tư song còn nhiều hạn chế do nguồn kinh phí còn hạn hẹp. Hầu hết giao thông trong các khu dân cư là đường đất, lầy lội về mùa mưa, khá bụi về mùa khô gây khó khăn cho việc giao lưu hàng hoá và đi lại của nhân dân. Hiện tại huyện chỉ có hệ thống thu gom và xử lý rác thải, thoát nước thải sinh hoạt ở khu vực thị trấn, còn ở khu vực nông thôn chất thải sinh hoạt và chất thải của gia súc gia cầm chảy tràn trên bề mặt xuống các ao hồ, suối, khe...thấm vào đất, đã phần nào gây ô nhiễm môi trường sống và đặc biệt gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước.

Các khu dân cư cũ ngày càng mở rộng, các khu dân cư mới đã bắt đầu phát triển, đường điện và nước sinh hoạt đang dần được đầu tư đáp ứng được nhu cầu nhân dân. Tuy nhiên, kiến trúc không gian khu dân cư còn bất hợp lý, chưa có định hướng và quy hoạch phát triển lâu dài. Việc xây dựng nhà ở hoàn toàn mang tính tự phát, không đảm bảo kiến trúc và mỹ quan.

Diện tích đất ở hiện nay của huyện phân bố chưa thật hợp lý và không đồng đều. Trong tương lai việc phát triển thêm đất ở để đáp ứng nhu cầu là thực tế khách quan không thể tránh khỏi, nhưng cần phải có sự điều chỉnh hợp lý các khu dân cư hiện có cũng như phải hạn chế tối đa việc lấy đất nông nghiệp vào làm nhà ở nhất là những khu vực ruộng cho năng suất cao. Đây là những vấn đề cần được quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của huyện.

2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.4.1. Giao thông

Diện tích đất giao thông hiện trạng của huyện năm 2024 là 842,86 ha. Trong những năm qua được sự quan tâm của nhà nước, các cấp, các ngành và sự góp sức đáng kể của nhân dân địa phương, hệ thống giao thông trên địa bàn toàn huyện phát triển khá mạnh. Cùng với đó huyện đã phối hợp với tỉnh đã và đang thực hiện nâng cấp, xây dựng các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ đi qua địa bàn huyện, khớp nối đồng bộ với các tuyến đường chính của huyện, quản lý tốt các hành lang chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch hướng tuyến đã xác định. Hệ thống các công trình giao thông trên địa bàn huyện bao gồm những tuyến chính sau:

Quốc lộ 7A đi qua huyện với tổng chiều dài là 54 km, Quốc lộ 48C, Quốc lộ 16C, tỉnh lộ 543B và các tuyến đường liên huyện, liên xã hầu hết đã được nhựa hóa. Hiện nay 17/18 xã, thị trấn đã có đường ô tô đi vào đến trung tâm xã, (riêng xã Hữu Khuông đường ô tô còn cách trung tâm xã 2km).

Đường sông huyện có 3 tuyến, trong đó có 2 tuyến chính (tuyến sông Lam và tuyến sông Nậm Nơn):

- Tuyến sông Lam (từ Cửa Rào - Tương Dương) dài 65 km;

- Tuyến sông Nậm Nơn (từ Bản Vẽ - Mai Sơn) dài 102 km.

- Tuyến khe Hội Nguyên dài 48 km cũng có thể đi lại bằng thuyền máy trong mùa mưa, tạo thành mạng lưới giao thông đường thủy tương đối thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hoá xã hội giữa các xã trong vùng và thị trấn.

2.4.2. Thủy lợi

Theo số liệu năm 2024, diện tích đất thuỷ lợi của huyện có 35,61 ha. Tổ chức phát động toàn dân ra quân làm thủy lợi trên địa bàn toàn huyện (ngày 16/10) với 8.384 người tham gia, đào, nạo vét được 1.813m^3 kênh mương, Đắp tu bổ bờ kênh, công trình 394 m3, Đất đắp bờ vùng, bờ thửa 784m3; Phát quang, cắt cỏ, vớt rong, bèo 61.705m2. Diện tích lúa được tưới 1.919,1 ha, trong đó diện tích tưới ổn định 1.739ha, tăng 1,7% so với cùng kỳ.

Thực hiện thẩm định hồ sơ dự toán nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi từ nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 cho

các xã, thị trấn; triển khai Kế hoạch hỗ trợ năm 2024. Diện tích lúa được tưới 1.919,1ha, đạt 99,4% KH, trong đó tưới ổn định 1.739ha, đạt 99,4% KH, tăng 1,7% so với cùng kỳ.

2.4.3. Cơ sở văn hóa, sinh hoạt cộng đồng

Toàn huyện có 0,84 ha đất cơ sở văn hóa và 12,43 ha đất sinh hoạt cộng đồng, bao gồm đất cơ sở văn hoá của huyện và nhà văn hoá xã, các nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản.

Tổ chức Lễ hội Đền Vạn - Cửa Rào năm 2024 diễn ra thành công tốt đẹp với hơn 3.000 lượt khách tới thăm quan, vãn cảnh, thưởng thức ẩm thực; duy trì hoạt động của 11 câu lạc bộ thường niên trên địa bàn, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc tại địa phương. Tổ chức Liên hoan NTQC tiếng hát làng Sen năm 2024 nhân dịp kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2024) với 17 đơn vị tham gia, gồm 51 tiết mục và tham gia Lễ hội Làng sen cấp tỉnh năm 2024 đạt giải Ba toàn đoàn, trong đó có 02 tiết mục 01 huy chương vàng và 01 huy chương đồng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội; tỷ lệ gia đình văn hóa 86,3%, đạt 102,7% NQ HĐND; tỷ lệ làng, bản đạt chuẩn văn hóa 93,1%, đạt 147,8% KH, 100% NQ HĐND.

2.4.4. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Tổng diện tích đất giáo dục và đào tạo của huyện là 62,52 ha, công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được thực hiện tốt, tất cả người bệnh cấp cứu đều được khám và điều trị kịp thời; chỉ số hài lòng nhân dân được nâng lên. Trong năm đã có 30.083 lượt khám bệnh, trong đó bệnh nhân điều trị nội trú là 7.389 lượt chiếm 24,56%; bệnh nhân điều trị ngoại trú là 22.694 lượt chiếm 75,44%. Thực hiện tiêm chủng thường xuyên (vào ngày 10 hàng tháng) cho 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt kết quả . Chính sách bảo hiểm y tế, nhất là đối với hộ nghèo, trẻ em dưới 5 tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội được đảm bảo; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 98%, đạt 99,5% KH, đạt 100% NQ HĐND; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ước đạt 15,1%, đạt 102,6% NQ HĐND; tỷ lệ xã, phường phù hợp với trẻ em đạt 100% NQ HĐND.

2.4.5. Cơ sở y tế

Diện tích đất của ngành y tế có 6,61 ha, công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được thực hiện tốt, tất cả người bệnh cấp cứu đều được khám và điều trị kịp thời; chỉ số hài lòng nhân dân được nâng lên. Trong năm đã có 30.083 lượt khám bệnh, trong đó bệnh nhân điều trị nội trú là 7.389 lượt chiếm 24,56%; bệnh nhân điều trị ngoại trú là 22.694 lượt chiếm 75,44%. Thực hiện tiêm chủng thường xuyên (vào ngày 10 hàng tháng) cho 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt kết quả . Chính sách bảo hiểm y tế, nhất là đối với hộ nghèo, trẻ em

dưới 5 tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội được đảm bảo; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 98%, đạt 99,5% KH, đạt 100% NQ HĐND; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ước đạt 15,1%, đạt 102,6% NQ HĐND; tỷ lệ xã, phường phù hợp với trẻ em đạt 100% NQ HĐND.

2.4.6. Cơ sở thể dục - thể thao

Với số lượng không lớn, toàn huyện có 13,93 ha, đất dành cho hoạt động thể dục, thể thao, trong những năm gần đây hoạt động thể thao của huyện phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động thể thao cho mọi người ngày càng phát triển, các cuộc thi đấu gắn liền với các lễ hội tạo nên không khí sôi nổi thi đua tập luyện, giao lưu đoàn kết, đẩy mạnh phong trào.

Hoạt động thể dục thể thao ngày càng phát triển, số lượng người tham gia hoạt động thể thao ngày càng nhiều và thường xuyên, hiệu quả hơn, với nhiều bộmôn như: đi bộ, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền… Tổ chức Lễ phát động ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024, kết quả có 15/17 xã, thị trấn tổ chức. Tham gia Hội thi thể thao các DTTS tỉnh Nghệ An năm 2024 tổ chức tại huyện Tân Kỳ, kết quả: Đạt giải Nhì toàn đoàn với 09 Huy chương Vàng, 02Huy chương Bạc, 04 Huy chương Đồng; tham gia Giải bóng đá TN-NĐ cúp Báo Nghệ An năm 2024. Tỷ lệ xã, phường có thiết chế VHTDTT đạt 41,7%, đạt 114,3% KH; 1112,9% NQ HĐND, tăng 14,4% so với cùng kỳ; Tỷ lệ người dântham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 36,5%, đạt 113,4% KH, 100,3% NQ HĐND, tăng 1,4% so với cùng kỳ.

2.4.7. Đất chợ

Diện tích đất chợ của huyện có 1,31 ha, bao gồm diện tích đất chợ của thị trấn Thạch Giám và chợ của các xã. Là một huyện vùng núi cao, kinh tế chậm phát triển, do đó cơ sở hạ tầng cũng chưa phát triển, hệ thống chợ cấp xã còn thiếu nhiều, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội hiện tại cũng như trong tương lai của huyện. Dự kiến trong giai đoạn tới, huyện triển khai xây dựng quy hoạch nông thôn mới, trong đó việc xây dựng và phát triển mạng lưới chợ là một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2.4.8. Quốc phòng, an ninh

a,Quốc phòng

Tiếp tục duy trì nghiêm các chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực SSCĐ, hoạt động kiểm soát quân sự và tuần tra canh gác, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Diện tích đất quốc phòng của huyện là 75,38 ha. Lãnh đạo, chỉ đạo LLVT huyện duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn; nắm chắc tình hình địa bàn, xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống xảy ra.

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự ; tổ chức Lễ giao, nhận quân, Lễ ra quân huấn luyện năm 2024 trang trọng, đúng nghi lễ Quân đội. Triển khai tổ chức Đại hội thi đua quyết thắng lực lượng vũ trang huyện giai đoạn 2019-2024 tạo khí thế thi đua sôi nổi trong lực lượng vũ trang; tổ chức Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ theo kế hoạch, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện, diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ, diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn năm 2024 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và bảo đảm an toàn tuyệt đối về mọi mặt. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 15/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về "Quy hoạch và xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, căn cứ Hậu phương trong khu vực phòng thủ huyện Tương Dương giai đoạn 2021-2025"; Đề án "Tổ chức lực lượng, huấn luyện hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025"; xây dựng Sở chỉ huy diễn tập; tiến hành các thủ tục, hồ sơ giải phóng mặt bằng trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng, miễn nhiệm, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ Ban CHQS xã, thị trấn theo đúng quy định. Huấn luyện đầy đủ nội dung, thời gian cho các đối tượng Dân quân tự vệ, Dân quân tự vệ theo kế hoạch được cấp trên phê duyệt. Tổ chức hội thi, hội thao các cấp đạt chất lượng tốt (hội thảo sáng kiến, cải tiến mô hình học cụ đạt giải nhì toàn đoàn; hội thảo khẩu đội pháo binh toàn năng và hội thao bắn súng quân dụng cho lực lượng Dân quân tự vệ đạt kết quả cao).

b, An ninh

Diện tích đất Anh ninh là 1,45 ha. Công an huyện Tương Dương đã triển khai thực hiện nghiêm túc các kế hoạch, mệnh lệnh của Công an tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện về đảm bảo ANTT trên địa bàn, góp phần phát triển KT-XH của huyện nhà.

Quá trình triển khai đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, giải quyết tốt các vấn đề xảy ra liên quan đến ANTT, làm ổn định tình hình địa bàn, không phát sinh điểm nóng, phức tạp. Những kết quả đạt được như trên cho thấy được sự chuyển biến rõ rệt của đơn vị hưởng ứng đợt cao điểm, nhìn chung các tình hình, các vụ việc được xử lý nghiêm túc, quyết liệt, đảm bảo thời gian, tiến độ không để kéo dài. Nhờ làm tốt công tác chỉ đạo, xây dựng kế hoạch nên việc triển khai cao điểm tấn công trấn áp tội phạm không làm ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị khác của đơn vị. Mặt khác, phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ và công tác xây dựng Đảng, XDLL-HC trong đơn vị còn được tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả cao hơn; ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương và điều lệnh CAND, tinh thần trách nhiệm phục

vụ nhân dân, cải cách hành chính, tiến độ giải quyết các vụ việc... ngày càng được quan tâm và hiệu quả ngày càng được nâng lên rõ rệt.

2.5. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến đến việc sử dụng đất

** Tác động đến ngành trồng trọt*

Trồng trọt đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người dân trên địa bàn huyện. Biến đổi khí hậu tác động đến sản xuất của ngành trồng trọt ở huyện Tương Dương thông qua một số khía cạnh sau:

- Mùa đông có những đợt rét kéo dài, mùa hè thì hạn hán, nắng nóng, thiếu nước ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của cây trồng dẫn đến giảm năng suất sản lượng cây trồng, hiệu quả kinh tế và đe dọa đến an ninh lương thực.

- Biến đổi khí hậu làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài và ngược lại làm xuất hiện nguy cơ gia tăng các loài "gây hại".

- Biến đổi khí hậu có thể tác động đến thời vụ, làm thay đổi cấu trúc mùa.

** Tác động của biến đổi khí hậu đến chăn nuôi*

Thực tế một vài năm gần đây cho thấy dịch bệnh xảy ra ngày càng nhiều và phức tạp hơn (lở mồm long móng, cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi…). Khi nhiệt độ tăng sẽ hỗ trợ cho việc lan truyền mầm bệnh đến những vùng lạnh hơn (như bệnh tụ huyết trùng) hoặc đến những vùng có khí hậu ôn hòa hơn. Thay đổi lượng mưa cũng có thể ảnh hưởng rộng đến sự di chuyển dịch bệnh trong những năm ẩm ướt.

Một trong những tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất chăn nuôi là thay đổi sự có sẵn nguồn thức ăn cho chăn nuôi. Nhiệt độ xuống thấp hoặc tăng cao đều làm giảm diện tích đồng cỏ, năng suất cây trồng cung cấp lương thực cho chăn nuôi gia súc. Nhiệt độ thấp (rét đậm và rét hại) làm khan hiếm nguồn thức ăn cho vật nuôi đồng thời làm giảm khả năng đề kháng của cơ thể, tăng nguy cơ mắc bệnh từ đó gây chết vật nuôi.

** Tác động đến ngành lâm nghiệp*

Ngoài các tác động của biến đổi khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi, biến đổi khí hậu còn có tác động đến sản xuất lâm nghiệp, rừng và môi trường. Mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và lâm nghiệp là mối quan hệ đan xen khó phân biệt được một cách rõ ràng nguyên nhân và kết quả. Khai thác và sử dụng rừng bất hợp lý góp phần gây nên biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu thúc đẩy sự gia tăng thiên tai, thông qua các hiện tượng như hạn hán, lũ quét, sạt lở đất gây thiệt hại lớn đến sản xuất lâm nghiệp. Chưa có nhiều nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất lâm nghiệp ở Tương Dương. Thực tế cho thấy, những năm gần đây, mùa khô kéo dài hơn trước, nguy cơ cháy rừng ngày càng tăng.

Tóm lại, vấn đề biến đổi khí hậu vẫn đang là bài toán khó cho các nhà quản lý không chỉ ở huyện Tương Dương mà nó còn là vấn đề chung của toàn thế giới. Để làm giảm tốc độ của biến đổi khí hậu có liên quan đến nhiều lĩnh vực nền kinh tế. Cần phải sử dụng nhiên liệu hoá thạch một cách hợp lý để giảm khí thải nhà kính. Trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp sử dụng nhiều phân bón hữu cơ để tránh phát thải khí metan. Mặt khác chúng ta cũng phải có những biện pháp đối phó thích nghi sống cùng biến đổi khí hậu và tránh thiệt hại tối đa, chính sách truyền thông các biện pháp ứng phó. Mỗi cá nhân chúng ta phải có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, nhận thức rằng năng lượng và sự bảo vệ môi trường là hết sức quan trọng sẽ làm cho thế giới - ngôi nhà chung của chúng ta tốt đẹp hơn.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất.

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tương Dương được phê duyệt tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ vào các quyết định giao, cho thuê, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 (tính đến ngày 31/12/2024).

Ủy ban nhân dân huyện Tương Dương đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

2.1.1.1 Phân tích chỉ tiêu đất nông nghiệp

Năm 2024 diện tích nhóm đất nông nghiệp hiện trạng là 266.894,79 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 266.834,47 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 266.864,08 ha, tăng hơn 29,61 ha so với kế hoạch được duyệt và giảm 30,71 ha so với hiện trạng, kết quả đạt 50,91% so với kế hoạch đề ra.

Còn 29,61 ha chưa thực hiện, đề xuất chuyển tiếp 20,29 ha để tiếp tục thực hiện trong năm 2025, hủy bỏ 9,32 ha không tiếp tục thực hiện.

Diện tích đất nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt sẽ thu hồi là 57,27 ha, kết quả đã được thu hồi trong năm 2024 là 30,72 ha đạt 53,64% kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất nông nghiệp dự kiến chuyển 60,33 ha sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án trong năm 2024 , kết quả đã chuyển được 30,72 ha đạt 50,92% kế hoạch.

Nguyên nhân là do còn nhiều công trình, dự án trong kế hoạch (được lấy từ đất nông nghiệp) chưa thực hiện được, nên diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp chưa đạt như kế hoạch được duyệt.

**** Đất trồng lúa***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất trồng lúa năm 2024 là 4.249,89 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 4.250,69 ha, cao hơn 0,8 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất trồng lúa chưa thực hiện là 0,8 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,6 ha, đề xuất hủy bỏ 0,2 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, do quá 2 năm chưa thực hiện.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,8 ha đất trồng lúa sang các mục đích khác để thực hiện 4 CTDA. Kết quả chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp 2 CTDA với diện tích 0,6 ha và hủy bỏ 2 CTDA với diện tích 0,2 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

- trong đó Đất chuyên trồng lúa.

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất chuyên trồng lúa năm 2024 là 846,2 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 846,82 ha, cao hơn 0,62 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất chuyên trồng lúa chưa thực hiện là 0,62 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,6 ha, đề xuất hủy bỏ 0,02 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,62 ha đất chuyên trồng lúa sang các mục đích khác để thực hiện 3 CTDA. Kết quả chưa thực hiện, đề xuất chuyển tiếp 2 CTDA với diện tích 0,6 ha và hủy bỏ 1 CTDA "Xây dựng dự án cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Nghệ An" tại xã Nhôn Mai và Mai Sơn với diện tích 0,02 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

**** Đất trồng cây hàng năm khác***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất trồng cây hằng năm khác năm 2024 là 1.776,75 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 1.777,42 ha, cao hơn 0,67 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất trồng cây hằng năm khác chưa thực hiện là 0,67 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,1 ha, đề xuất hủy bỏ 0,57 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,67 ha đất trồng cây hằng năm khác sang các mục đích khác để thực hiện 2 CTDA. Kết quả chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp 1 CTDA "Xây dựng trụ sở công an xã Tam Thái" với diện tích 0,1 ha và hủy bỏ 1 CTDA "Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương" với diện tích 0,57 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

*** Đất trồng cây lâu năm.**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm năm 2024 là 1.311,14 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 1.318,71 ha, cao hơn 7,57 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 0,25 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 3,2% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa thực hiện là 7,57 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 4,40 ha, đề xuất hủy bỏ 3,17 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 7,82 ha đất trồng cây lâu năm sang các mục đích khác để thực hiện 7 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA "Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông diện tích 0,25 ha. Còn 6 CTDA với diện tích 7,51 ha chưa thực hiện được, trong đó đề xuất chuyển tiếp 3 CTDA với diện tích 4,4 ha và hủy bỏ 3 CTDA với diện tích 3,11 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024 dự kiến thu hồi đất trồng cây lâu năm 4,76 ha, kết quả đã thu hồi được là 0,25 ha đạt 5,25% kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất trồng cây lâu năm đã được chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án trong năm là 0,25 ha đạt 3,2% kế hoạch.

*** Đất rừng đặc dụng.**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất rừng đặc dụng năm 2024 là 39.496,81 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 39.496,81 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất rừng đặc dụng; không chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng để thực hiện công trình dự án khác.

*** Đất rừng phòng hộ.**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất rừng phòng hộ năm 2024 là 93.439,97 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 93.440,37 ha, cao hơn 0,4 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 29 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 98,64% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất rừng phòng hộ chưa thực hiện là 0,4 ha, đề xuất hủy bỏ không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 29,40 ha đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác để thực hiện 3 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA "Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông, diện tích 29 ha. Còn 2 CTDA "Xây dựng dự án cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Nghệ An" tại xã Nhôn Mai và xã Mai Sơn và "Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông với diện tích 0,4 ha chưa thực hiện được, đề xuất hủy bỏ do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024 dự kiến thu hồi đất rừng phòng hộ 29,4 ha, kết quả đã thu hồi được là 29 ha đạt 98,64% kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất rừng phòng hộ đã được chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án trong năm là 29 ha đạt 98,64% kế hoạch.

*** Đất rừng sản xuất.**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất rừng sản xuất năm 2024 là 126.515,75 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 126.535,92 ha, cao hơn 20,17 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 1,47 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 6,79% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất rừng sản xuất chưa thực hiện là 20,17 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 15,19 ha, đề xuất hủy bỏ 4,98 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 21,64 ha đất rừng sản xuất sang các mục đích khác để thực hiện 12 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA "Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông, diện tích 1,47 ha. Còn 11 CTDA với diện tích 20,17 ha chưa thực hiện được, trong đó đề xuất chuyển tiếp 5 CTDA với diện tích 15,19 ha và hủy bỏ 6 CTDA với diện tích 4,98 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

Đồng thời năm 2025, huyện dự kiến giao 14.384,35 ha đất rừng sản xuất cho các hộ gia đình cá nhân gắn với công tác giao rừng, hiện nay mới giao được 8.621,50 ha, còn 5.762,85 ha chưa thực hiện giao đất đề xuất chuyển tiếp 5.761,61 ha sang tiếp tục giao đất trong năm 2025 và hủy bỏ 1,24 ha không tiếp tục thực hiện do quá 2 năm chưa thực hiện.

Năm 2024 dự kiến thu hồi đất rừng sản xuất 21,64 ha, kết quả đã thu hồi được là 1,47 ha đạt 6,79% kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất rừng sản xuất đã được chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án trong năm là 1,47 ha đạt 6,79% kế hoạch.

trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên năm 2024 là 97866,38 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 97882,07 ha, cao hơn 15,69 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 1,47 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 8,57% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa thực hiện là 15,69 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 10,89 ha, đề xuất hủy bỏ 4,8 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 17,16 ha đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang các mục đích khác để thực hiện 11 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA, diện tích 1,47 ha. Còn 10 CTDA với diện tích 15,69 ha chưa thực hiện được, trong đó đề xuất chuyển tiếp 4 CTDA với diện tích 10,89 ha và hủy bỏ 6 CTDA với diện tích 4,8 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024 dự kiến thu hồi đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 17,16 ha, kết quả

đã thu hồi được là 1,47 ha đạt 8,57% kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã được chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án trong năm là 1,47 ha đạt 8,57% kế hoạch.

*** Đất nuôi trồng thủy sản.**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản năm 2024 là 43,64 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 43,64 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất nuôi trồng thủy sản; không chuyển mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản để thực hiện công trình dự án khác.

*** Đất nông nghiệp khác.**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất nông nghiệp khác năm 2024 là 0,5 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 0,5 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất nông nghiệp khác; không chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác để thực hiện công trình dự án khác.

2.1.1.2. Phân tích chỉ tiêu đất phi nông nghiệp

Năm 2024 diện tích nhóm đất phi nông nghiệp hiện trạng là 8.909,56 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2025 là 8.971,67 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 8.940,29 ha, giảm hơn 31,38 ha so với kế hoạch được duyệt và tăng 30,73 ha so với hiện trạng, kết quả đạt 49,48% so với kế hoạch đề ra.

Còn 31,38 ha chưa thực hiện, đề xuất chuyển tiếp 20,59 ha để tiếp tục thực hiện trong năm 2025, hủy bỏ 10,79 ha không tiếp tục thực hiện.

Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt sẽ thu hồi là 5,32 ha, kết quả đã được thu hồi trong năm 2024 là 3,1 ha đạt 58,27% kế hoạch được duyệt.

*** Đất ở tại nông thôn**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất ở tại nông thôn năm 2024 là 501,22 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 490,82 ha, thấp hơn 10,40 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 0,34 ha so với hiện trạng.

Diện tích đất ở tại nông thôn chưa thực hiện là 10,40 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 7,90 ha, đề xuất hủy bỏ 2,50 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,51 ha đất ở tại nông thôn sang các mục đích khác để thực hiện 2 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA "Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông, diện tích 0,34 ha. Còn 1 CTDA "Xây dựng trường mầm non

bản Xốp Nặm" tại xã Tam Hợp với diện tích 0,17 ha chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 4 CTDA đất ở tại nông thôn diện tích 10,57 ha. Kết quả chưa thực hiện, đề xuất chuyển tiếp 8,07 ha đất ở tại nông thôn để tiếp tục thực hiện 1 CTDA "Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Pủng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông trong năm 2025 và hủy bỏ CTDA "Chuyển mục đích đất ở trong khu dân cư" của các xã với 2,50 ha đất ở tại nông thôn theo quy định tại Khoản 5 điều 116 Luật đất đai 2024 *"Căn cứ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở hoặc chuyển mục đích sử dụng các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt."* và hủy bỏ 02 CTDA đăng ký giao đất cho thuê đất đã đăng ký thực hiện trong năm không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024 dự kiến thu hồi đất ở tại nông thôn 0,51 ha, kết quả đã thu hồi được là 0,34 ha đạt 66,67% kế hoạch được duyệt.

*** Đất ở đô thị**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất ở tại đô thị năm 2024 là 54,51 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 54,22 ha, thấp hơn 0,29 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất ở tại đô thị chưa thực hiện là 0,29 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,21 ha, đề xuất hủy bỏ 0,08 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,6 ha đất ở tại đô thị sang các mục đích khác để thực hiện 1 CTDA "Cơ sở cai nghiện ma tuý bắt buộc số III tỉnh Nghệ An (Đường giao thông đi vào Cơ sở cai nghiện)" tại thị trấn Thạch Giám. Kết quả chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 2 CTDA đất ở tại đô thị diện tích 0,89 ha. Kết quả chưa thực hiện. Đề xuất chuyển tiếp 1 CTDA "Chia lô đất ở tại thị trấn Thạch Giám (giáp khu TĐC Vườn Xoài, xung quanh bể bơi Hòa Bình, đoạn đường tại khối Hòa Đông, Trung tâm Y tế cũ, khối Hòa Tây, khối Hòa Bắc, khối Hòa Nam, đối diện NVH cộng đồng TT)" với diện tích 0,39 ha để tiếp tục thực hiện trong năm 2025. Đề xuất hủy bỏ 01 CTDA "Chuyển mục đích đất ở trong khu dân cư" với diện tích 0,5 ha do theo quy định tại Khoản 5 điều 116 Luật đất đai 2024 *"Căn cứ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong*

khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở hoặc chuyển mục đích sử dụng các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt."

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024 là 11,66 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 10,32 ha, thấp hơn 1,34 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan chưa thực hiện là 1,34 ha, đề xuất hủy bỏ không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 3 CTDA đất xây dựng trụ sở cơ quan bao gồm (Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Tam Hợp, huyện Tương Dương) diện tích 1,34 ha. Kết quả chưa thực hiện, đề xuất hủy bỏ không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

**** Đất quốc phòng***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất quốc phòng năm 2024 là 78,37 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 66,89 ha, thấp hơn 11,48 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất quốc phòng chưa thực hiện là 11,48 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 8,5 ha, đề xuất hủy bỏ 2,98 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,4 ha đất quốc phòng sang các mục đích khác để thực hiện CTDA "Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Tam Hợp, huyện Tương Dương". Kết quả chưa thực hiện được, đề xuất hủy bỏ do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 2 CTDA đất quốc phòng diện tích cần thu hồi chuyển mục đích là 11,88 ha. Kết quả chưa thực hiện.

Đề xuất chuyển tiếp 8,5 ha đất quốc phòng để tiếp tục thực hiện CTDA Xây dựng khu luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu và "Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tương Dương" tại xã Tam Đình trong năm 2025, đề xuất hủy bỏ 3,38 ha đất quốc phòng của 1 CTDA "Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4" tại xã Mai Sơn, đã đăng ký thực hiện trong năm 2024, không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm

không thực hiện.

Đồng thời năm 2024 đăng ký 02 CTDA, diện tích 2,95 ha để thực hiện giao đất, cho thuê đất. Kết quả đến 31/12/2024 đã thực hiện xong dự án "Xây dựng đồn biên phòng Tam Hợp", còn dự án "Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện/ Ban CHQS huyện Tương Dương" tại thị trấn Thạch Giám chưa thực hiện được đề xuất hủy bỏ do quá 2 năm chưa thực hiện.

**** Đất an ninh***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất an ninh năm 2024 là 1,75 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 1,45 ha, thấp hơn 0,3 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất an ninh chưa thực hiện là 0,3 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,2 ha, đề xuất hủy bỏ 0,1 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 3 CTDA đất an ninh diện tích 0,3 ha. Kết quả chưa thực hiện. Đề xuất chuyển tiếp 0,2 ha đất an ninh để tiếp tục thực hiện 2 CTDA trong năm 2025, hủy bỏ 0,1 ha đất an ninh của 1 CTDA "Xây dựng trụ sở công an xã Yên Hoà", đã đăng ký thực hiện trong năm 2024, không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

**** Đất xây dựng công trình sự nghiệp***

Cụ thể các loại đất trong nhóm đất xây dựng công trình sự nghiệp như sau:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2024 là 13,26 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 11,88 ha, thấp hơn 1,38 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa chưa thực hiện là 1,38 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 1,14 ha, đề xuất hủy bỏ 0,24 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,06 ha đất xây dựng cơ sở văn hóa sang "Xây dựng nhà văn hoá bản Bay, xã Nga My" tại xã Nga My, Kết quả chưa thực hiện được, đề xuất hủy bỏ do quá 2 năm chưa thực hiện.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 6 CTDA đất xây dựng cơ sở văn hóa diện tích 1,38 ha. Kết quả chưa thực hiện. Đề xuất chuyển tiếp 1,14 ha đất xây dựng cơ sở văn hóa để tiếp tục thực hiện 4 CTDA trong năm 2025, hủy bỏ 0,24 ha đất xây dựng cơ sở văn hóa của 2 CTDA, đã đăng ký thực hiện trong năm không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở xã hội năm 2024 là 11,67 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 11,67 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất xây dựng cơ sở xã hội; không chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở xã hội để thực hiện công trình dự án khác.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế năm 2024 là 6,61 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 6,61 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất xây dựng cơ sở y tế; không chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế để thực hiện công trình dự án khác.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2024 là 62,41 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 62,31 ha, thấp hơn 0,1 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chưa thực hiện là 0,1 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,17 ha, đề xuất hủy bỏ 0,07 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,44 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo sang các mục đích khác để thực hiện 3 CTDA. Kết quả chưa thực hiện được. Đề xuất chuyển tiếp 2 CTDA với diện tích 0,34 ha và hủy bỏ 1 CTDA với diện tích 0,1 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 2 CTDA đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo diện tích 0,54 ha. Kết quả chưa thực hiện.

Đề xuất chuyển tiếp 0,17 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo để tiếp tục thực hiện 1 CTDA "Xây dựng trường mầm non bản Xốp Nặm" tại xã Tam Hợp trong năm 2025,

Đề xuất hủy bỏ 0,37 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của 1 CTDA "Xây dựng trường PTDTBT tiểu học Nga My" tại xã Nga My, đã đăng ký thực hiện trong năm không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao năm 2024 là 0,62 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 0,62 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao; không chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao để thực hiện công trình dự án khác.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2024 là 15,14 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 15,14 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất xây dựng công trình sự nghiệp khác; không chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp khác để thực hiện công trình dự án khác.

**** Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp***

Cụ thể các loại đất trong nhóm đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

+ Đất thương mại, dịch vụ

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ năm 2024 là 2,47 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 2,41 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất thương mại, dịch vụ; không chuyển mục đích sử dụng đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình dự án khác.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2024 là 6,2 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 6,2 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; không chuyển mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để thực hiện công trình dự án khác.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2024 là 20,07 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 20,07 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không thực hiện CTDA đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; không chuyển mục đích sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản để thực hiện công trình dự án khác.

**** Đất sử dụng vào mục đích công cộng***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2024 là 7.038,36 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 7.032,28 ha, thấp hơn 6,08 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và cao hơn 33,83 ha so với hiện trạng.

Cụ thể các nhóm đất trong đất sử dụng vào mục đích công cộng như sau:

+ Đất công trình giao thông.

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất công trình giao thông năm 2024 là 850,19 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 844,54 ha, thấp hơn 5,65 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và cao hơn 33,83 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 85,69% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất công trình giao thông chưa thực hiện là 5,65 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 3,1 ha, đề xuất hủy bỏ 2,55 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 5 CTDA đất công trình giao thông diện tích 39,48 ha. Kết quả đã thực hiện xong 1 CTDA "Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông với diện tích 33,83 ha, còn 4 CTDA với diện tích 5,65 ha chưa thực hiện.

Đề xuất chuyển tiếp 3,1 ha đất công trình giao thông để tiếp tục thực hiện 2 CTDA trong năm 2025, hủy bỏ 2,55 ha đất công trình giao thông của 2 CTDA, đã đăng ký thực hiện trong năm không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

- *Đất thủy lợi:* Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất công trình thủy lợi năm 2024 là 35,61 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 35,61 ha, đã đạt so với kế hoạch đã được phê duyệt và cao hơn 0,05 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 01 CTDA "Đập thuỷ lợi bản Văng Lin", diện tích 0,05 ha. Kết quả chưa thực hiện được, đề xuất hủy bỏ không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

- *Đất công trình xử lý chất thải:* Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất công trình xử lý chất thải năm 2024 là 6,26 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 6,26 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không có CTDA đất công trình xử lý chất thải; không chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình dự án khác.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng.

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng năm 2024 là 6.128,19 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 6.127,75 ha, thấp hơn 0,44 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng chưa thực hiện là 0,44 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,13 ha, đề xuất hủy bỏ 0,31 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Năm 2024, toàn huyện dự kiến thực hiện 6 CTDA đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng diện tích 0,44 ha. Kết quả chưa thực hiện.

Đề xuất chuyển tiếp 0,13 ha đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng để tiếp tục thực hiện 1 CTDA "Dự án đường dây 220kV Tương Dương - Đô Lương trên địa bàn huyện Tương Dương - Tỉnh Nghệ An" tại xã Tam Quang trong năm 2025, hủy bỏ 0,31 ha đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng của 5 CTDA, đã đăng ký thực hiện trong năm không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do quá 2 năm không thực hiện.

- *Đất bưu chính, viễn thông:* Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất bưu chính, viễn thông năm 2024 là 3,50 ha; diện tích xác định đến 31/12/2024 là 3,50 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không có CTDA đất bưu chính viễn thông; không chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình dự án khác.

- *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:* Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2024 là 1,31 ha; diện tích xác định đến 31/12/2024 là 1,31 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không có CTDA đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; không chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình dự án khác.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:* Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng năm 2024 là 13,3 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 13,36 ha, cao hơn 0,06 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng chưa thực hiện là 0,06 ha, đề xuất hủy bỏ không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, do quá 2 năm không thực hiện.

**** Đất tín ngưỡng:*** Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất tín ngưỡng năm 2024 là 6,18 ha; diện tích xác định đến 31/12/2024 là 6,18 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không có CTDA đất tín ngưỡng; không chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình dự án khác.

**** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt năm 2024 là 228,79 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 228,79 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không có CTDA đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt; không chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình dự án khác.

**** Đất có mặt nước chuyên dùng***

Cụ thể các loại đất trong nhóm đất có mặt nước chuyên dùng như sau:

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2024 là 912,38 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 912,43 ha, cao hơn 0,05 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 2,76 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 98,22% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối chưa thực hiện là 0,05 ha, đề xuất hủy bỏ không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 2,81 ha đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối sang các mục đích khác để thực hiện 2 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA "Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông, diện tích 2,76 ha. Còn 1 CTDA "Đập thuỷ lợi bản Văng Lin" tại xã Yên Thắng với diện tích 0,05 ha chưa thực hiện được, đề xuất hủy bỏ do quá 2 năm không thực hiện.

Năm 2024 dự kiến thu hồi đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,81 ha, kết quả đã thu hồi được là 2,76 ha đạt 98,22% kế hoạch được duyệt.

2.1.1.3. Phân tích chỉ tiêu đất chưa sử dụng

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất chưa sử dụng năm 2024 còn lại 4.972,05 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 4.973,82 ha, còn 1,77 ha chưa thực hiện so với kế hoạch đã được phê duyệt và đã chuyển được 0,01 ha sang mục đích khác để sử dụng, cụ thể:

**** Đất bằng chưa sử dụng***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất bằng chưa sử dụng năm 2024 là 305,65 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 306,03 ha, cao hơn 0,38 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và thấp hơn 0,01 ha so với hiện trạng. Kết quả đạt 2,56% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất bằng chưa sử dụng chưa thực hiện là 0,38 ha, đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025 là 0,3 ha, đề xuất hủy bỏ 0,08 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 0,39 ha đất bằng chưa sử dụng sang các mục đích khác để thực hiện 4 CTDA. Kết quả thực hiện được 1 CTDA, diện tích 0,01 ha. Còn 3 CTDA với diện tích 0,38 ha chưa thực hiện được, trong đó đề xuất chuyển tiếp 1 CTDA với diện tích 0,3 ha và hủy bỏ 2 CTDA với diện tích 0,08 ha, do quá 2 năm không thực hiện.

**** Đất đồi núi chưa sử dụng***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất đồi núi chưa sử dụng năm 2024 là 4.661,21 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 4.662,6 ha, cao hơn 1,39 ha so với kế hoạch đã được phê duyệt và không thay đổi so với hiện trạng.

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng chưa thực hiện là 1,39 ha, đề xuất hủy bỏ 1,39 ha không tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm 2024, huyện dự kiến chuyển 1,39 ha đất đồi núi chưa sử dụng sang các mục đích khác để thực hiện 1 CTDA "Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4" tại xã Mai Sơn. Kết quả chưa thực hiện được đề xuất chuyển tiếp hủy bỏ do quá 2 năm không thực hiện.

**** Núi đá không có rừng cây***

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu núi đá không có rừng cây năm 2024 là 5,19 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2024 là 5,19 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt và diện tích hiện trạng.

Năm 2024, không chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình dự án khác.

2.1.2 Kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

2.1.2.1 Kết quả thu hồi đất năm 2024

Diện tích đất cần thu hồi theo kế hoạch 2024 được duyệt là 62,59 ha trong đó thu hồi nhóm đất nông nghiệp là 57,27 ha, nhóm đất phi nông nghiệp là 5,32 ha để thực hiện các dự án như: Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4; Xây dựng khu luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu và Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tương Dương; Cải tạo nâng cấp QL7A đoạn Km0-Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thơi-Nậm Cắn; Đường giao thông từ bản Pà Kháo, xã Mai Sơn huyện Tương Dương đến cột mốc 390; Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương; Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Pủng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương,… Kết quả, đã thu hồi được 33,82 ha (trong đó nhóm đất nông nghiệp thu hồi 30,72 ha , nhóm đất phi nông nghiệp đã thu hồi 3,10 ha) đạt 54,03 % kế hoạch.

Bảng : Kết quả thực hiện thu hồi đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch thu hồi năm 2024	Kết quả thu hồi đất năm 2024 (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**57,27**	**30,72**	**53,64**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,80	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0,62	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	0,18	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0,67	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch thu hồi năm 2024	Kết quả thu hồi đất năm 2024 (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,76	0,25	5,25
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	29,40	29,00	98,64
1.6	*Đất rừng sản xuất*	*RSX*	*21,64*	1,47	6,79
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	17,16	1,47	8,57
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**5,32**	**3,10**	**58,27**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,51	0,34	66,67
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,60	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	0,40	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,50	-	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,44	-	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,06	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-	-	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	-	-	-
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	-	-	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-	-	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch thu hồi năm 2024	Kết quả thu hồi đất năm 2024 (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-	-	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-	-	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	-	-	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2,81	2,76	98,22
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,81	2,76	98,22
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

2.1.2.1 Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của năm 2024

Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch 2024 được duyệt là 60,33 ha, Kết quả, đã chuyển mục đích sử dụng đất được 30,72 ha đạt 50,92 % kế hoạch đã đề ra.

Bảng : Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch chuyển mục đích năm 2024 (ha)	Kết quả chuyển mục đích năm 2024 (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**60,33**	**30,72**	**50,92**
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,80	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	0,67	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	7,82	0,25	3,20
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	29,40	29,00	98,64
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	21,64	1,47	6,79
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*	*17,16*	1,47	8,57
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch chuyển mục đích năm 2024 (ha)	Kết quả chuyển mục đích năm 2024 (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**				
-	*Trong đó:*				
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	-	-	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-
3	**Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**	**MHT/CNT**	**-**	**-**	**-**
4	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**				
-	*Trong đó:*				
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật đất đai	MHT/PNC	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	-	-	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-

2.2. Đánh giá tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

2.2.1 Kết quả đạt được.

Năm 2024, huyện Tương Dương đăng ký thực hiện 37 công trình, dự án với diện tích 14.478,18 ha (trong đó: 29 CTDA thu hồi chuyển mục đích với diện tích là 66,87 ha và 8 CTDA đăng ký kế hoạch để thực hiện đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất diện tích 14.411,31 ha) được phê duyệt tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An;

Kết quả, đã thực hiện 3 công trình, dự án với diện tích 8.658,28 ha, đạt 50,59% kế hoạch được duyệt về diện tích.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024)

Còn lại 34 công trình dự án chưa thực hiện và 01CTDA đã thực hiện được 1 phần diện tích với tổng diện tích 5.819,9 ha (bao gồm: 28 công trình dự án đăng ký thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 33,04 ha, 7 công trình dự án với 5.786,86 ha đăng ký kế hoạch để thực hiện đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất).

(Chi tiết tại Phụ lục 02: Các Công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2024, tiếp tục đề xuất chuyển sang thực hiện trong năm 2025; Phụ lục 03: Các công trình, dự án không đăng ký thực hiện trong năm 2025).

*** Những mặt đạt được**

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất đã triển khai kịp thời, phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện là căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cơ bản đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành sát với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và ổn định tình hình xã hội.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2.2. Tồn tại

Trong qua trình lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhiều công trình đăng ký nhu cầu sử dụng đất lớn như: Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4 tại xã Mai Sơn; Đường giao thông từ bản Pà Kháo, xã Mai Sơn huyện Tương Dương đến cột mốc 390, tại xã Mai Sơn; Dự án Xây dựng trạm biến áp 220kV và đường dây đấu nối, tại xã Tam Quang; Giao rừng gắn với giao đất lâm

nghiệp (giao lần đầu) cho nhiều xã trên địa bàn huyện,... Kết quả đến 31/12/2024 chưa thực hiện dẫn đến tỷ lệ thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2024 còn chưa cao.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện còn một số tồn tại sau:

- Một số dự án triển khai chậm, trên địa bàn vẫn còn tình trạng chủ đầu tư sử dụng đất chưa hiệu quả.

- Tình trạng sử dụng đất một số ngành, lĩnh vực chưa bám kế hoạch sử dụng đất của huyện được duyệt gây ảnh hưởng đến tâm lý sản xuất của người dân.

- Quy mô diện tích một số dự án đưa vào kế hoạch lớn, khi triển khai không thực hiện được hết do thiếu nguồn kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp...

- Kế hoạch sử dụng đất của một số xã còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn, định hướng nhu cầu sử dụng đất thiếu căn cứ pháp lý và khả thi.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ở một số xã gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ xây dựng. Thiếu ngồn vốn, kinh phí để tổ chức thực hiện.

2.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

So với kế hoạch được duyệt với việc thực hiện có nhiều chỉ tiêu sử dụng đất của huyện chưa đạt được. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Kế hoạch sử dụng đất 2024 của huyện phê duyệt muộn (20/3/2024 mới phê duyệt) ảnh hưởng rất lớn đến việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của các công trình dự án nhất là các dự án đầu tư công.

- Một số công trình đã thực hiện xong thủ tục thu hồi đất nhưng chủ đầu tư chưa hoàn thành xong hồ sơ giao đất, cấp GCNQSD đất nên phải đăng ký chuyển tiếp sang năm 2024.

- Các dự án trong kế hoạch đăng ký nhiều hơn so với khả năng nguồn vốn được cân đối và các thủ tục cần có chưa hoàn thành kịp thời, do nhà đầu tư chưa đủ nguồn vốn triển khai. Ngoài ra, do chưa thống nhất được các nội dung liên quan đến thủ tục giao đất cho thuê đất, thu hồi đất nên nhiều dự án đã triển khai nhưng chưa thực hiện công tách giao đất, cho thuê đất.

- Một số quy định về trình tự, thủ tục về đất đai thay đổi ảnh hưởng đến việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

- Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án gặp khó khăn, vướng mắc trong quy định về chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển của Nhà nước cấp rất hạn chế; khả năng cân đối thu chi ngân sách để đáp ứng nhu cầu đầu tư trên địa bàn huyện còn rất khó khăn. Nguồn thu ngân sách tuy có tăng song nợ đọng thuế vẫn còn lớn, trong khi

nhu cầu chi ngân sách ngày càng tăng, đặc biệt là chi đầu tư phát triển như giao thông , thủy lợi, xây dựng nông thôn mới.

- Một nguyên nhân cũng rất quan trọng nữa là vốn đầu tư của nhà nước để thực hiện các dự án có trong kế hoạch của huyện, cũng như nhiều ngành, lĩnh vực còn hạn chế.

- Đây là năm của luật đất đai năm 2024 ra đời, có nhiều thay đổi chính sách nên ảnh hưởng tới công tác triển khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

PHẦN III

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.

Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 được tổng hợp trên cơ sở:

- Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Nghệ An Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

- Quyết định số 3509/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 1).

- Quyết định số 3663/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2).

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện Tương Dương về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách huyện năm 2025.

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND huyện Tương Dương về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025.

- Nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan cấp tỉnh, các phòng, ban, ngành của huyện Tương Dương, các xã, các tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện trong năm 2025.

Kết quả điều tra tổng hợp có 16 công trình đăng ký với diện tích thực hiện trong năm 2025 là 5.796,22 ha, (bao gồm: 10 công trình dự án đăng ký thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 4,90 ha, 6 công trình dự án với 5791,32 ha đăng ký kế hoạch đề thực hiện đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất)

Tổng hợp có 16 công trình, dự án được xác định danh mục trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 bao gồm:

- Có 4 CTDA, diện tích 1,14 ha là công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chuyển sang;

- Có 5 CTDA, diện tích 3,63 ha theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai.

- Có 1 CTDA, diện tích 0,13 ha công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai trong năm 2025;

- Có 6 CTDA, diện tích 5.791,32 ha đăng ký theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch (đây là các công trình dự án đã có quyết định thu hồi đất đăng ký kế hoạch để thực hiện đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất).

(*Chi tiết Danh mục công trình/dự án có nhu cầu sử dụng thể hiện tại Biểu 25/CH).*

3.2. Tổng hợp, phân tích, nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp.

3.2.1. Đất nông nghiệp.

Năm 2025 dự kiến diện tích đất nông nghiệp của huyện là 266.843,6 ha; giảm 20,47 ha so với năm 2024 (266.864,07 ha), cụ thể:

*** Đất trồng lúa.**

Diện tích đất trồng lúa năm 2025 là 4.250,1 ha, giảm 0,6 ha so với năm 2024 (4.250,7 ha), trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa giảm 0,6 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất an ninh 0,1 ha;

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,5 ha;

+ Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng 4.250,1 ha.

Trong đó Đất chuyên trồng lúa.

Diện tích đất chuyên trồng lúa năm 2025 là 846,2 ha, giảm 0,6 ha so với năm 2024 (846,8 ha), trong đó:

+ Diện tích đất chuyên trồng lúa giảm 0,6 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất an ninh 0,1 ha;

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,5 ha;

+ Diện tích đất chuyên trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng 846,2 ha.

*** Đất trồng cây hàng năm khác.**

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2025 là 1.777,27 ha, giảm 0,15 ha so với năm 2024 (1.777,42 ha), trong đó:

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 0,15 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất an ninh 0,1 ha;

- Đất công trình giao thông 0,05 ha;

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng 1.777,27 ha.

*** Đất trồng cây lâu năm:**

Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2025 là 1.313,76 ha, giảm 4,94 ha so với năm 2024 (1.318,7 ha), trong đó:

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 4,94 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất ở tại đô thị 0,39 ha;

- Đất quốc phòng 4,45 ha;

- Đất công trình giao thông 0,1 ha;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng 1.313,76 ha.

*** Đất rừng đặc dụng:**

Diện tích đất rừng đặc dụng năm 2025 là 39.496,81 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất rừng đặc dụng.

*** Đất rừng phòng hộ:**

Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2025 là 93.440,37 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất rừng phòng hộ.

*** Đất rừng sản xuất:**

Diện tích đất rừng sản xuất năm 2025 là 126.521,18 ha, giảm 14,75 ha so với năm 2024 (126.535,93 ha), trong đó:

+ Diện tích đất rừng sản xuất giảm 14,75 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất ở tại nông thôn 8,07 ha;

- Đất quốc phòng 4,05 ha;

- Đất công trình giao thông 2,50 ha;

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,13 ha;

+ Diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng 126.521,18 ha.

Trong đó Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên năm 2025 là 97.871,48 ha, giảm 10,6 ha so với năm 2024 (97.882,08 ha), trong đó:

+ Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên giảm 10,6 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất ở tại nông thôn 8,07 ha;

- Đất công trình giao thông 2,40 ha;

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,13 ha;

+ Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên không thay đổi mục đích sử dụng 97.871,48 ha.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2025 là 43,63 ha, giảm 0,03 ha so với năm 2024 (43,66 ha), trong đó:

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,03 ha để chuyển sang mục đích sử dụng đất công trình giao thông;

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng 43,63 ha.

*** Đất nông nghiệp khác**

Diện tích đất nông nghiệp khác năm 2025 là 0,5 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất nông nghiệp khác.

Bảng 04: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Diện tích cuối Kế hoạch năm 2025	Biến động, tăng(+), giảm(-)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**266.864,07**	**266.843,60**	**-20,47**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.250,70	4.250,10	-0,60
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	846,80	846,20	-0,60
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	3.403,88	3.403,88	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.777,42	1.777,27	-0,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.318,70	1.313,76	-4,94
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	39.496,81	39.496,81	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	93.440,37	93.440,37	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	126.535,93	126.521,18	-14,75
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*97.882,08*	*97.871,48*	-10,60
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	43,66	43,63	-0,03
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,50	0,50	-

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 17/CH - Phụ phụ lục)

3.2.2. Tổng hợp, phân tích, nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2025 dự kiến diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 8.961,09 ha; tăng 20,80 ha so với năm 2024 (8.940,29 ha), cụ thể:

*** Đất ở tại nông thôn.**

Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2025 là 498,72 ha, tăng 7,9 ha so với năm 2024 (490,82 ha), trong đó:

+ Diện tích đất ở tại nông thôn giảm 0,17 ha để chuyển sang mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo "Xây dựng trường mầm non bản Xốp Nặm" tại xã Tam Hợp;

+ Diện tích đất ở tại nông thôn tăng thêm 8,07 ha để thực hiện CTDA "Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Pủng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương" tại xã Hữu Khuông, được lấy từ đất rừng sản xuất;

- Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 8,07 ha;

+ Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng 490,65 ha.

*** Đất ở đô thị:**

Diện tích đất ở tại đô thị năm 2025 là 53,96 ha, giảm 0,26 ha so với năm 2024 (54,22 ha), trong đó:

+ Diện tích đất ở tại đô thị giảm 0,65 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng đất công trình giao thông "Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Tương Dương (Đường nội thị thị trấn Thạch Giám; Cầu Văng Ống thuộc tuyến xã Yên Thắng đi xã Xiêng My)" tại thị trấn Thạch Giám;

+ Diện tích đất ở tại đô thị tăng thêm 0,39 ha để thực hiện CTDA "Chia lô đất ở tại thị trấn Thạch Giám (giáp khu TĐC Vườn Xoài, xung quanh bể bơi Hòa Bình, đoạn đường tại khối Hòa Đông, Trung tâm Y tế cũ, khối Hòa Tây, khối Hòa Bắc, khối Hòa Nam, đối diện NVH cộng đồng TT)", được lấy từ các loại đất đất trồng cây lâu năm;

+ Diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng 53,57 ha.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

+ Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025 là 10,34 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan.

*** Đất quốc phòng**

Diện tích đất quốc phòng năm 2025 là 75,39 ha, tăng 8,5 ha so với năm 2024 (66,89 ha), trong đó:

+ Diện tích đất quốc phòng tăng thêm 8,5 ha để thực hiện 1 CTDA "Xây dựng khu luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu và Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tương Dương" tại xã Tam Đình, được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây lâu năm 4,45 ha;

- Đất rừng sản xuất 4,05 ha;

+ Diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích sử dụng 66,89 ha.

*** Đất an ninh**

+ Diện tích đất an ninh năm 2025 là 1,65 ha, tăng 0,2 ha so với năm 2024 (1,45 ha), trong đó:

+ Diện tích đất an ninh tăng thêm 0,20 ha để thực hiện 2 CTDA, được lấy từ các loại đất sau:

- Đất chuyên trồng lúa 0,10 ha;

- Đất trồng cây hằng năm khác 0,10 ha;

+ Diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích sử dụng 1,45 ha.

*** Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

Bao gồm các loại đất:

** Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2025 là 13,02 ha, tăng 1,14 ha so với năm 2024 (11,88 ha), trong đó:

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng thêm 1,14 ha để thực hiện 4 CTDA, được lấy từ các loại đất sau:

- Đất chuyên trồng lúa 0,50 ha;

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,34 ha;

- Đất bằng chưa sử dụng 0,30 ha;

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa không thay đổi mục đích sử dụng 11,88 ha.

** Đất xây dựng cơ sở xã hội.*

Diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội năm 2025 là 11,67 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất xây dựng cơ sở xã hội.

** Đất xây dựng cơ sở y tế.*

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế năm 2025 là 6,61 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế.

** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2025 là 62,15 ha, giảm 0,17 ha so với năm 2024 (62,32 ha), trong đó:

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm 0,34 ha để chuyển sang các mục đích sử đất xây dựng cơ sở văn hóa "Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Pủng, xã Lưu Kiền" và "Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Xốp Cốc, xã Yên Thắng";

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng thêm 0,17 ha để thực hiện 1 CTDA "Xây dựng trường mầm non bản Xốp Nặm" tại xã Tam Hợp, được lấy từ các loại ở tại nông thôn;

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo không thay đổi mục đích sử dụng 61,98 ha.

** Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao*

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao năm 2025 là 0,62 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao.

** Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác*

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2025 là 15,15 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp khác.

*** Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp**

Bao gồm các loại đất:

** Đất thương mại, dịch vụ.*

Diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2025 là 2,4 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất thương mại, dịch vụ.

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025 là 6,2 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

** Đất cho hoạt động khoáng sản:*

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2025 là 20,07 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

*** Đất sử dụng vào mục đích công cộng**

Đất sử dụng vào mục đích công cộng xác định theo kế hoạch năm 2025 là 7.035,73 ha tăng 3,56 ha so với năm 2024 (7.032,17 ha).

** Đất công trình giao thông:*

Diện tích đất công trình giao thông năm 2025 là 847,86 ha, tăng 3,43 ha so với năm 2024 (844,43 ha), trong đó:

+ Diện tích đất công trình giao thông tăng thêm 3,43 ha để thực hiện 3 CTDA, được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hằng năm khác 0,05 ha;

- Đất trồng cây lâu năm 0,1 ha;

- Đất rừng sản xuất 2,5 ha;

- Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 2,4 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha;

- Đất ở tại đô thị 0,65 ha;

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,04 ha;

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,03 ha;

- Đất bằng chưa sử dụng 0,03 ha;

+ Diện tích đất công trình giao thông không thay đổi mục đích sử dụng 844,43 ha.

** Đất thủy lợi:*

Diện tích đất công trình thủy lợi năm 2025 là 35,56 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất công trình thủy lợi.

** Đất công trình xử lý chất thải:*

Diện tích đất công trình xử lý chất thải năm 2025 là 6,26 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất công trình xử lý chất thải.

** Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:*

Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng năm 2025 là 6.127,88 ha, tăng 0,13 ha so với năm 2024 (6.127,75 ha), trong đó:

+ Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng tăng thêm 0,13 ha để thực hiện 2 CTDA, được lấy từ các loại đất sau:

- Đất rừng sản xuất 0,13 ha;

- Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 0,13 ha;

+ Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng không thay đổi mục đích sử dụng 6.127,75 ha.

** Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:*

Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin năm 2025 là 3,5 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

** Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:*

Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2025 là 1,31 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất chợ dân sinh, chợ đầu mối.

** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:*

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng năm 2025 là 13,37 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng.

*** Đất tín ngưỡng:**

Diện tích đất tín ngưỡng năm 2025 là 6,18 ha, không thay đổi so với năm 2024, do không thực hiện công trình dự án nào, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất tín ngưỡng.

*** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt.**

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt năm 2025 là 228,75 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2024 (228,79 ha), trong đó:

+ Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt giảm 0,04 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng đất công trình giao thông;

+ Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt không thay đổi mục đích sử dụng 228,75 ha.

*** Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2025 là 912,43 ha, giảm 0,03 ha so với năm 2024 (912,46 ha), trong đó:

+ Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 0,03 ha để chuyển sang các mục đích sử dụng đất công trình giao thông;

+ Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi mục đích sử dụng 912,43 ha.

Bảng 05: Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Diện tích cuối Kế hoạch năm 2025	Biến động, tăng(+), giảm(-)
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**8.940,29**	**8.961,09**	**20,80**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	490,82	498,72	7,90
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	54,22	53,96	-0,26
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,34	10,34	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	66,89	75,39	8,50
2.5	Đất an ninh	CAN	1,45	1,65	0,20
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	108,25	108,88	0,63
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,88	13,02	1,14
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	11,67	11,67	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,61	6,61	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	62,32	62,15	-0,17
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,62	0,62	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	15,15	15,15	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	28,67	28,67	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Diện tích cuối Kế hoạch năm 2025	Biến động, tăng(+), giảm(-)
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,40	2,40	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,20	6,20	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	20,07	20,07	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	7.032,17	7.035,73	3,56
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	844,43	847,86	3,43
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	35,56	35,56	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	6,26	6,26	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	6.127,75	6.127,88	0,13
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	3,50	3,50	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,31	1,31	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	13,37	13,37	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-	-	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	6,18	6,18	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	228,79	228,75	-0,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	912,46	912,43	-0,03
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	912,46	912,43	-0,03
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 17/CH)

3.2.3. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng

Năm 2025, huyện dự kiến đưa 0,33 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng, diện tích đất chưa sử dụng còn lại là 4973,5 ha, cụ thể:

*** Đất bằng chưa sử dụng.**

Diện tích đất bằng chưa sử dụng năm 2025 là 305,68 ha, giảm 0,33 ha so với năm 2024 (306,01 ha), để chuyển sang các mục đích sử dụng sau:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,3 ha;

- Đất công trình giao thông 0,03 ha;

+ Diện tích đất bằng chưa sử dụng không thay đổi mục đích sử dụng 305,68 ha.

*** Đất đồi núi chưa sử dụng.**

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng năm 2025 là 4662,62 ha, không thay đổi so với năm 2024, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng đất đồi núi chưa sử dụng.

*** Núi đá không có rừng cây.**

Diện tích núi đá không có rừng cây năm 2025 là 5,19 ha, không thay đổi so với năm 2024, không có công trình dự án nào thực hiện trong năm 2025 sử dụng núi đá không có rừng cây.

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025:

+ Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp 20,47 ha;

Bảng 06: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**20,47**
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,60
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	0,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	4,94
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	14,75

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*	*10,60*
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,03
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		
-	*Trong đó:*		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-
3	**Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**	**MHT/CNT**	**-**
4	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**		
-	*Trong đó:*		
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật đất đai	MHT/PNC	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 20/CH - Phần phụ lục)

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Kế hoạch đất cần thu hồi năm 2025 là 4,57 ha, trong đó:

+ Nhóm đất nông nghiệp 3,51 ha;

+ Nhóm đất phi nông nghiệp 1,06 ha;

Bảng 07: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**3,51**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,60
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0,60
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,10
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2,63
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*2,53*
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,03
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**1,06**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,65
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,34
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,34
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	-
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	0,03
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,03
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 19/CH - Phần phụ lục)

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**0,33**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,30
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,30
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,03

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,03
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

(Chi tiết theo từng xã tại Biểu 18/CH phần phụ lục)

3.6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch.

3.6.1. Dự kiến các khoản thu

Bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí cấp giấy chứng nhận và các loại thuế liên quan đến đất đai.

* Dự kiến các khoản thu:

- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn.

- Thu tiền khi giao đất ở đô thị.

- Thu tiền từ cho thuê đất phi nông nghiệp.

3.6.2. Dự kiến các khoản chi

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản.
- Chi bồi thường khi thu hồi đất rừng sản xuất.
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị

Bảng: Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai năm 2025

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền
I. Các khoản thu chủ yếu			
Thu tiền khi giao đất ở đô thị	0,39	3.000.000	11.700.000.000
Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	8,07	1.000.000	80.700.000.000
Thu từ cho thuê đất phi nông nghiệp	-	60.000	0
Tổng thu			**92.400.000.000**
II. Các khoản chi chủ yếu			
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	0,60	84.000	504.000.000
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác	0,15	84.000	126.000.000
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	4,94	84.000	4.149.600.000
- Chi bồi thường khi thu hồ đất nuôi trồng thủy sản	0,03	84.000	25.200.000
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	0,17	1.000.000	1.700.000.000
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,65	2.000.000	13.000.000.000
- Chi bồi thường khi thu hồi đất rừng sản xuất	14,75	21.000	3.097.500.000
Tổng chi			**22.602.300.000**
Cân đối thu - chi (I - II)			**69.797.700.000**

Đây chỉ là kết quả dự kiến các khoản thu, chi theo bảng giá đất của huyện và các văn bản hướng dẫn hiện hành liên quan tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế sẽ được tính toán từng dự án cụ thể của từng thời điểm, áp dụng khung giá, đơn giá và giá trị trường của tại thời điểm đó.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện Tương Dương trong năm 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, cải tạo mặt bằng, tạo lớp đất mặt phù hợp hoặc cải tạo lý hóa tính đất đảm bảo đủ điều kiện để trồng 2 vụ lúa/năm trở lên; tôn tạo đất trồng lúa trũng, thấp, không chủ động, xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi, điều chỉnh độ cao mặt ruộng đối với đất trồng lúa nước nhờ nước mưa hoặc không chủ động tưới tiêu nước chỉ trồng được 1 vụ lúa/năm thành 2 vụ lúa/năm.

- Phục hồi rừng bằng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng rừng bổ sung.

- Hệ thống xử lý khí thải, nước thải của khu sản xuất, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải được xây dựng đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Đối với các dự án sử dụng đất phi nông nghiệp (dự án sản xuất, kinh doanh, đất nghĩa trang, cụm công nghiệp, trang trại chăn nuôi...) nhất thiết phải có đánh giá tác động môi trường kèm theo phương án, giải pháp xử lý phù hợp.

- Việc sử dụng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn, chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước.

- Gắn khai thác sử dụng với nhiệm vụ tái tạo, làm tăng độ phì cho đất, chống suy thoái đất, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường đảm bảo sử dụng đất bền vững lâu dài.

- Giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm. Cải tạo hệ thống giao thông vận tải; giữ gìn đường phố sạch đẹp để giảm thiểu ô nhiễm bụi. Xung quanh khu công nghiệp cần có vành đai cây xanh để giãn cách với các khu dân cư hoặc đô thị, áp dụng các công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất.

- Đối với các dự án sử dụng đất phi nông nghiệp nhất thiết phải có đánh giá tác động môi trường kèm theo phương án, giải pháp xử lý phù hợp.

- Tổ chức thu gom, đầu tư trang thiết bị thu gom rác hợp vệ sinh và phân loại chất thải rắn tại nguồn trước khi vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn.

- Việc bố trí các khu dân cư mới là cần thiết nhưng phải gắn với phát triển cơ sở hạ tầng, cần tập trung phát triển hình thành cụm dân cư, không nhỏ lẻ...

- Nhà nước như tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí đắc địa, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị tứ, các chợ , đất ở tại đô thị để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ….

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí nông thôn.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện Tương Dương tổ chức công khai kế hoạch tại UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Lồng ghép nội dung kế hoạch sử dụng đất với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, các nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở SXKD đã thu hồi đất.

- Áp dụng đầy đủ, các chính sách pháp luật về đất đai để được nhiều đối tượng tham gia vào thị trường bất động sản, người thu nhập thấp, đối tượng chính sách, hộ nghèo cũng được hưởng lợi để sớm lấp đầy các khu đất ở, an sinh xã hội và đó cũng là nguồn thu ngân sách quan trọng.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất nhất là lĩnh vực trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, sản xuất nông sản hàng hóa.

- Vấn đề bồi thường đất đai cần phải được thực hiện công khai, thực hiện đúng trình tự theo qui định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định bảng giá nhà nước.

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phối hợp chặt chẽ Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.. và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.

- Xây dựng phương án đấu giá Quyền sử dụng đất đối với đất ở tại đô thị, đất thương mại dịch vụ để tăng nguồn thu ngân sách, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng chính sách, người có thu nhập thấp, hộ nghèo công nhân viên chức, lực lượng vũ trang có nhu cầu đất ở để ổn định cuộc sống, yên tâm công tác.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả đặc biệt đối với diện tích đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- UBND các xã, thị trấn Thạch Giám căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện Kỳ Sơn đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Tương Dương cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện.

Có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trong huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh, huyện và các xã, thị trấn trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai. Đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất sẽ nâng hiệu quả sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực.

Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực. Đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và đảm bảo mục tiêu đô thị hoá.

Các loại đất phát triển cơ sở hạ tầng khác như đất giao thông, thuỷ lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của các xã, thị trấn.

2. Kiến nghị

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện Tương Dương kiến nghị tỉnh, các Sở ban ngành một số vấn đề sau:

- Tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của huyện.

- Đầu tư, hỗ trợ kinh phí để huyện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính; cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; lập quy hoạch bảo vệ môi trường; xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải và bảo vệ môi trường.

3. Đề xuất

- Để thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất huyện Tương Dương năm 2025, cần phải thực hiện tốt các mặt sau:

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với kế hoạch sử dụng đất qua các giai đoạn và hàng năm để nâng cao tính

thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và của tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái. Đặc biệt cần quan tâm đến các chính sách ưu tiên phát triển tiểu thủ công nghiệp, các ngành dịch vụ, các chính sách đền bù thoả đáng, kịp thời đối với đất đai cần thu hồi.

- Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với phát triển kinh tế; ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.